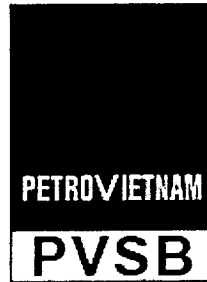


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH (PVSB)



FS 616818 EMS 616819 OHS 616820



ISO 9001:2008
FS 616818

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



Thông điệp của Hội đồng quản trị:

Quý vị cổ đông kính mến!

Năm 2016 đã qua đi trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu không cao, thị trường hàng hóa kém sôi động đặc biệt là giá dầu thô thế giới duy trì ở mức thấp và liên tục kéo dài đã ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta nói chung và ngành Dầu khí Việt Nam nói riêng

Đối mặt với những khó khăn nói trên, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ) với tư cách là Công ty con của PTSC trong thời gian qua, đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện của Tập đoàn Dầu khí, PTSC và các đơn vị bạn để tham gia cung cấp các sản phẩm, dịch vụ... cho khách hàng trong và ngoài ngành. Năm 2016 với sự đoàn kết, quyết tâm tập thể CBCNV Công ty SMBĐ đã thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch 2016 được giao. Mọi nguồn lực của Công ty tiếp tục được bảo toàn và tăng trưởng, các chỉ số tài chính được đánh giá ở mức độ an toàn, năng lực cạnh tranh và vị thế thương hiệu của Công ty ngày càng ổn định và bền vững.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Theo nhận định của HĐQT, năm 2017 và vài năm tới tiếp theo giá dầu thô thế giới tiếp tục duy trì ở mức thấp. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành Dầu khí nước ta, Tổng Công ty PTSC và Công ty SMBĐ. Các Tổng Công ty lớn trong ngành Dầu khí (PVEP, Vietsovpetro, PVD...) đã phải thực hiện việc cắt giảm, ngừng đầu tư, giảm nhân sự... dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến nguồn việc, cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật Dầu khí. Tuy nhiên với những lợi thế sẵn có, với quan điểm từng bước phát triển bền vững, với tất cả những nguồn lực, năng lực kinh nghiệm cùng sự quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và nhất là với sự giúp đỡ ủng hộ của Quý vị cổ đông, chúng ta hoàn toàn tin tưởng sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.



Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, hỗ trợ thiết thực của Quý khách hàng, Quý cổ đông, mà đặc biệt là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã dành cho Công ty SMBD.

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trần Hải Bình

35
C
C
DẦU
SAC
NG T

NỘI DUNG

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY SMBĐ.

1. Lịch sử hình thành và phát triển.
2. Ngành nghề kinh doanh.
3. Mục tiêu và chiến lược phát triển.
4. Sơ đồ tổ chức.
5. Cơ cấu cổ đông.
6. Hội đồng quản trị.
7. Ban Giám đốc.
8. Ban Kiểm soát.
9. Tình hình tài chính Công ty.
10. Quản trị rủi ro.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016.
2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Tổng quan năm 2016.
2. Kết quả thực hiện.
3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.
4. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư.
5. Kế hoạch năm 2017.

IV. MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG.

1. Minh bạch thông tin.
2. Quan hệ cổ đông.
3. Trách nhiệm cộng đồng.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016.

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY SMBĐ

Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Tên giao dịch đối ngoại : **SAOMAI – BENDINH PETROLEUM INVESTMENT JSC**

Tên viết tắt : **SMBĐ**

Trụ sở chính : **Tầng 16, Số 9, Hoàng Diệu, Phường 1, TP.Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT**

Điện thoại : **064.6253375**

Fax : **064.6253374**

Email : **saomaibendinh@pvsb.com.vn**

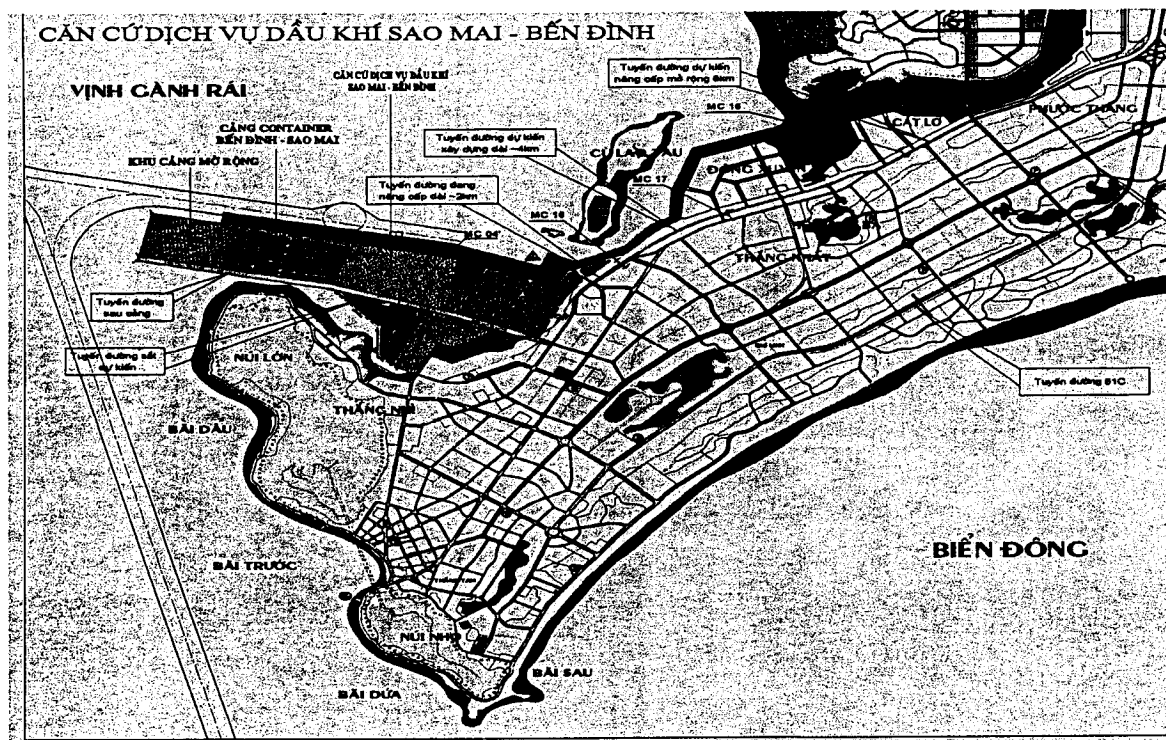
Website : **www.pvsb.com.vn**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500794814 (Đăng ký lần đầu ngày 07/05/2007, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 19/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : **500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)**

Tổng số cổ phần : **50.000.000 CP**

Mã cổ phiếu : **PSB**



(Sơ đồ vị trí Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tại Tp.Vũng Tàu)

1. Lịch sử hình thành và phát triển:

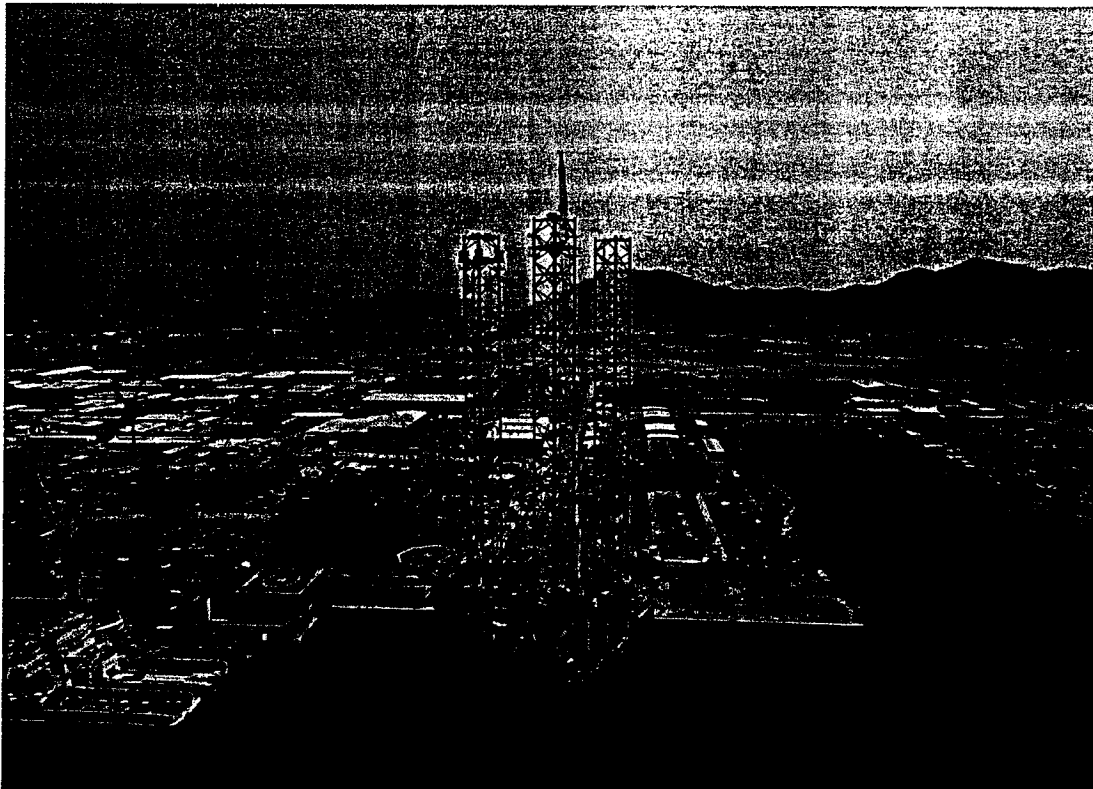
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ) là doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cổ đông chiến lược sáng lập, hiện nay là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình thuộc thành phố Vũng Tàu với quy mô hiện đại để phục vụ công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí và thực hiện các dịch vụ dầu khí...

- 06/04/2007: Công ty được thành lập theo Nghị quyết số 1847/NQ-DKVN ngày 06/04/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 24/04/2007: Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ); Phương án đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 07/05/2007: Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- 24/03/2008: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định thu hồi đất để bàn giao cho SMBĐ
- 11/11/2009: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 39,8ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí PV Shipyard thuê.
- 25/12/2009: Niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Việt Nam (UPCOM) với mã chứng khoán PSB.
- 26/04/2010: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập *Dự án Cảng container Quốc tế Vũng Tàu và Khu hậu cần Logistics*, Công ty SMBĐ, Công ty BSPD (thuộc Vinalines) và Tập đoàn Trung Hoa Chiêu thương Cục (CMG) sau khi đàm phán đã ký kết Hợp đồng Liên doanh ngày 26/04/2010 để thành lập Công ty Cổ phần Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với tỷ lệ tham gia SMBĐ 25%, BSPD 26% và CMHI 49%.
- 16/09/2010: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 23,5ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí PVC-MS thuê.
- 01/01/2012: Hợp đồng Liên doanh hết thời hạn hiệu lực, Công ty SMBĐ đã thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng Liên doanh ký ngày 26/04/2010 và đã được các bên liên doanh chấp thuận theo đúng quy định.
- 16/07/2012: Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

- 27/09/2012: UBND tỉnh BR - VT cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 08/07/2015: Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đợt 1
- 10/08/2015: Khởi công đầu tư xây dựng Dự án khu dịch vụ dầu khí 35ha (Phân kỳ I)

2. Ngành nghề kinh doanh:

- 2.1. Khai thác cụm Cảng và Khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; cụm cảng container;
- 2.2. Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- 2.3. Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu - khí - nhiên liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm; Xây dựng nhà các loại;
- 2.4. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
- 2.5. Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- 2.6. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất, phụ gia sản xuất nhựa đường; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
- 2.7. Cho thuê các phương tiện vận tải, kho bãi; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- 2.8. Cung ứng nhân lực lao động.



(Khu vực Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hiện tại)

3. Mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty:

Với mục tiêu “Xây dựng SMBĐ trở thành công ty dịch vụ hạ tầng dầu khí, hàng hải mạnh có thương hiệu trong nước và trong khu vực, trong đó lấy việc xây dựng hạ tầng làm then chốt ...”, Công ty SMBĐ sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau:

- 3.1. Đẩy nhanh công tác xây dựng hệ thống dịch vụ căn cứ cảng và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác và cho thuê tại khu vực Sao Mai – Bến Đình.
- 3.2. Quản lý, khai thác và phát triển các dịch vụ tiện ích, cơ sở hạ tầng hiện có cho PVShipyards, PVC-MS và các khách hàng khác thuê.
- 3.3. Khai thác tối đa các dịch vụ cảng, mở rộng phát triển dịch vụ hậu cần, dịch vụ tổng hợp dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ khác.
- 3.4. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ dầu khí có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tiềm năng thị trường tốt bao gồm:
 - Dịch vụ xây lắp cơ khí, chế tạo các công trình dầu khí.
 - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí, các phương tiện nổi.
 - Dịch vụ thu dọn, tháo dỡ các công trình dầu khí.

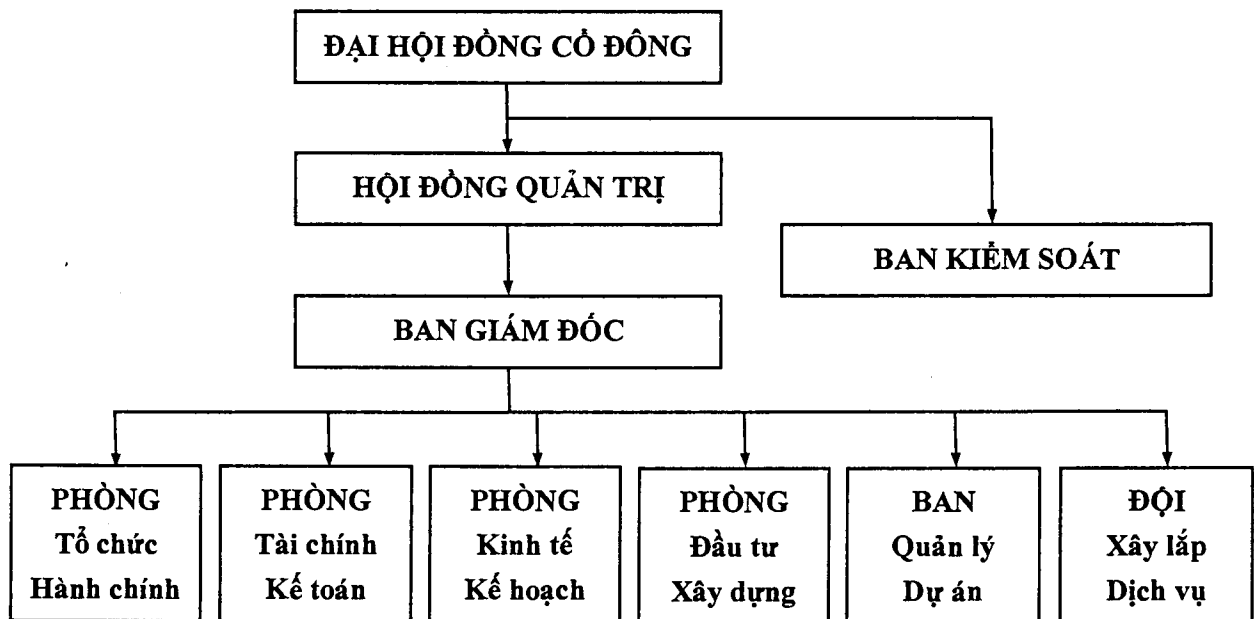
- Dịch vụ vận chuyển, hạ thủy các kết cấu siêu trường siêu trọng.
- Dịch vụ thương mại dầu khí.
- Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí.

3.5. Tập trung đào tạo, xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn của Công ty.

3.6. Hoàn thiện hệ thống quản lý tiên tiến trong Công ty đảm bảo sự điều hành thống nhất, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.7. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đặc biệt là các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của đối tác như kinh nghiệm, khả năng tài chính, công nghệ, thiết bị hiện đại, mối quan hệ rộng với mạng lưới toàn cầu, trên cơ sở đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.

4. Sơ đồ tổ chức Công ty:



5. Cơ cấu cổ đông:

5.1. Cổ phần:

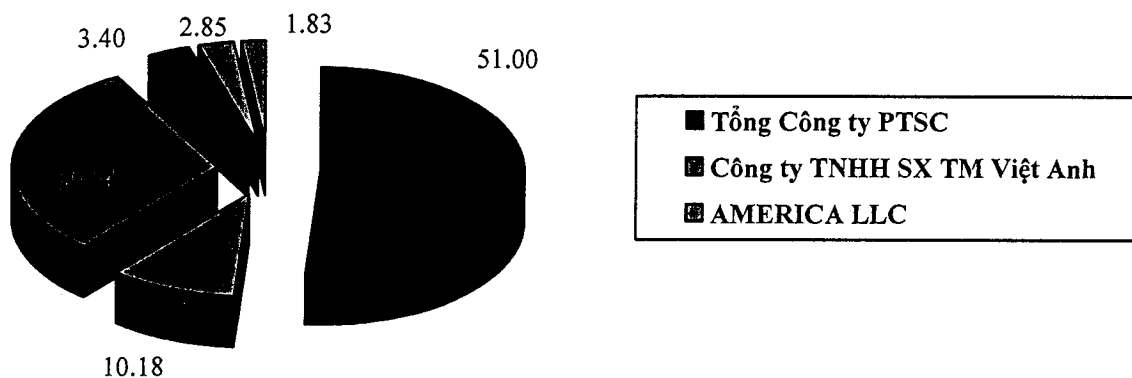
- Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50.000.000 CP
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

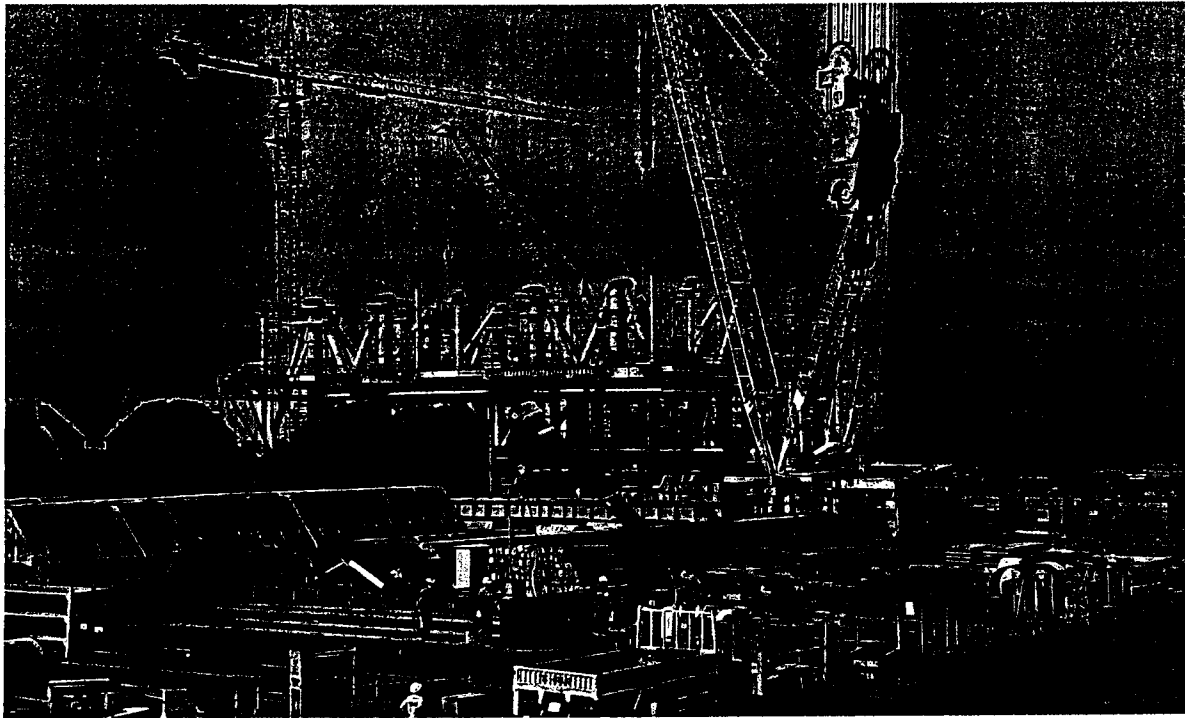
5.2. Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/02/2017):

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	TRONG NƯỚC:		
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,00
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	5.092.400	10,18
3	Ngân hàng GP Bank	1.700.000	3,40
4	Công ty Quản lý Quỹ PVI	1.424.900	2,85
5	Cổ đông khác	15.367.500	30,74
II.	NGOÀI NƯỚC:		
	AMERICA LLC	915.200	1,83
	TỔNG CỘNG	50.000.000	100,00

5.3. Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,00
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	5.092.400	10,18





(Thi công chế tạo và lắp đặt tổ hợp sàn Upper Deck của Dự án HRD cho PTSC - MC)

6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

① Ông TRẦN HẢI BÌNH CHỦ TỊCH



Sinh ngày: 20/10/1969 tại Thái Bình
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài
 chính Kế toán
 Số lượng CP sở hữu cá nhân: 92

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1994 - 08/1997: XN Cảng PTSC Vũng Tàu.
- + 09/1997 - 12/1998: XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu PTSC Vũng Tàu (PTSC).
- + 01/1999 - 09/2000: Trưởng phòng Tài chính Kế toán - XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu (PTSC).
- + 10/2000 - 05/2001: Phó Giám đốc phụ trách XN Kinh doanh các SP Dầu khí Tây Ninh (PTSC).
- + 05/2001 - 03/2006: Kế toán Trưởng - Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 03/2006 - 12/2006: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ (PDC).
- + 01/2007 - 04/2007: Kiểm soát viên chính Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 04/2007 - 07/2009: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 08/2009 - đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.



② Ông PHÙNG NHƯ DŨNG
THÀNH VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị
Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

(Xem thông tin phần Ban Giám đốc)

③ Bà NGUYỄN NGỌC NHƯ UYÊN
THÀNH VIÊN



Sinh ngày: 20/02/1978 tại TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
QTKD
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 01/2001 - 06/2002: Chuyên viên tư vấn kinh doanh tại Arthur Andersen.
- + 06/2002 - 04/2004: Chuyên viên tư vấn cấp cao tại KPMG Việt Nam
- + 04/2004 - 12/2006: Giám đốc đầu tư tại Mekong Capital.
- + 10/2008 - 11/2014: Giám đốc nghiệp vụ tại Dragon Capital.
- + 04/2015 - Nay: Giám đốc đầu tư tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

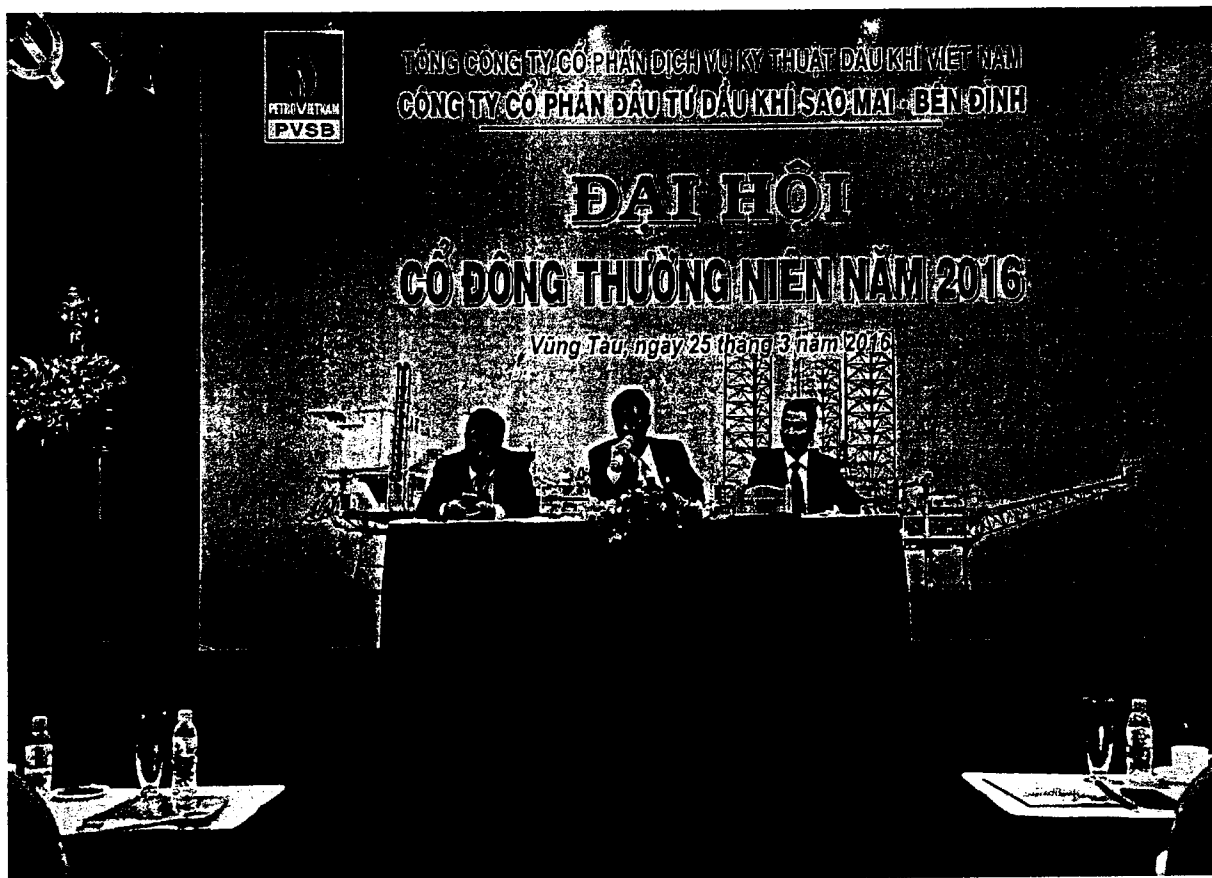
④ Ông NGUYỄN VIỆT ĐẠT
THÀNH VIÊN



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 03/1990 - 10/1990: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Hải Phòng.
- + 11/1990 - 03/1993: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng.
- + 04/1993 - 04/2002: Phó phòng Kế hoạch Sản xuất XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.
- + 05/2002 - 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc Ban QL Dự án Cảng PTSC Vũng Tàu.
- + 01/2008 - đến nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.

Sinh ngày: 27/07/1966 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thăm dò Địa chất
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975



Đại hội cổ đông thường niên ngày 25 tháng 03 năm 2016

7. BAN GIÁM ĐỐC:

① Ông PHÙNG NHƯ DŨNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí.

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 06/1991 - 05/1992: Trung tâm nghiên cứu May - Hà Nội.
- + 06/1992 - 06/1993: Công ty Địa Vật lý và DVĐK – Hà Nội.
- + 07/1993 - 07/1995: Đốc công - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- + 08/1995 - 12/1999: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- + 01/2000 - 04/2001: Phó Giám đốc - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- + 05/2001 - 10/2001: Quyền Giám đốc - XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu - VT.
- + 11/2001 - 12/2003: Trưởng ban quản lý Dự án Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 01/2004 - 01/2006: Giám đốc - Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 02/2006 - 03/2007: Phó Tổng giám đốc - Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ, kiêm Giám đốc XN Xăng dầu DK Vũng Tàu.
- + 04/2007 - 05/2007: Phó Tổng GD Cty TNHH 1 TV Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
- + 06/2007 - đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông ĐẶNG ĐỨC HÒI
PHÓ GIÁM ĐỐC



Sinh ngày: 01/11/1962 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 2.692

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1987 - 02/1991: XN Liên hợp XL Dầu khí.
- + 03/1991 - 07/1995: Kế toán Trưởng - Đội xây dựng số 6 thuộc XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí.
- + 08/1995 - 02/2001: Kế toán Trưởng - XN Thiết kế và Khảo sát - Công ty Thiết kế và XD Dầu khí.
- + 03/2001 - 11/2004: Chuyên viên Tài chính Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 12/2004 - 04/2007: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán; Kế toán Trưởng Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 05/2007 - 07/2009: Kế toán Trưởng - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ).
- + 08/2009 - đến nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ).

③ Ông TRẦN CHÍ DŨNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Sinh ngày: 03/05/1976 tại Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 07/1999 - 06/2002: Công ty Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Thương mại - Bộ Thương Mại.
- + 06/2002 - 06/2003: Đội trưởng đội thi công - Chi nhánh Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng tại Tp Hồ Chí Minh.
- + 06/2003 - 08/2005: Chuyên viên Ban quản lý Dự án Cảng PTSC - Tổng Công ty PTSC.
- + 08/2005 - 08/2007: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- + 02/2007 - 08/2007: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- + 08/2007 - 10/2009: Phó Giám đốc - Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp DK - Idico Long Sơn.
- + 10/2009 - đến nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ).

④ Ông TRẦN ĐỨC HẠNH

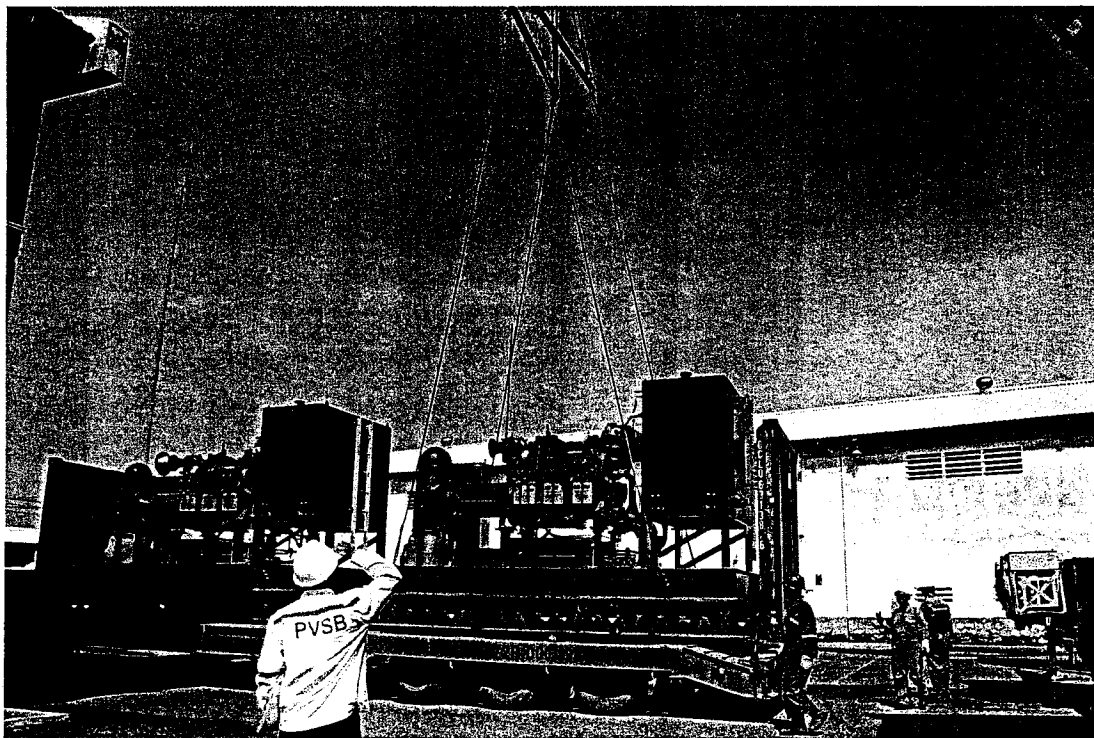
PHÓ GIÁM ĐỐC



Sinh ngày: 03/08/1979 tại Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý
Dự án, Kỹ sư Xây dựng.
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 7

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 - 11/2003: Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới - Bộ Giao Thông Vận Tải.
- + 12/2003 - 12/2004: Xí nghiệp Xây lắp Công trình Biển - XN Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
- + 12/2004 - 06/2005: Ban Dự án RuBy B - Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
- + 06/2005 - 03/2007: Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu - Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ.
- + 04/2007 - 10/2007: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu.
- + 11/2007 - 10/2009: Trưởng phòng Đầu tư Xây dựng - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- + 10/2009 - đến nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ).



(Bàn giao hệ thống bơm cứu hỏa cho giàn Thiên Ưng thuộc Liên Doanh Dầu khí Việt Nga)

8. BAN KIỂM SOÁT:

① Ông NGÔ VĂN LẬP

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh ngày: 15/01/1971 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

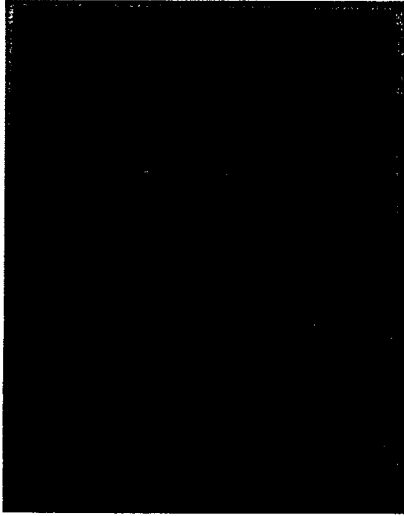
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 11/1994 - 08/1997: Chuyên viên Phòng Nhập - Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim.
- + 09/1997 - 07/2007: Chuyên viên Ban Xuất dầu thô - Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim (hiện nay là Tổng Công ty PV Oil).
- + 08/2007 - 12/2011: Phó phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- + 01/2012 - đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ).

② Bà NGUYỄN THÚY H ÀNG
THÀNH VIÊN



Sinh ngày: 07/10/1985 tại Bình Định
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
ngân hàng
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 03/2007 - 10/2007: Nhân viên phân tích dự án bất động sản tại Thái Thịnh Capital.
- + 10/2007 - 03/2010: Chuyên viên đầu tư tại Red River Holding (Quỹ đầu tư của Pháp).
- + 04/2010 - đến nay: Phòng Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

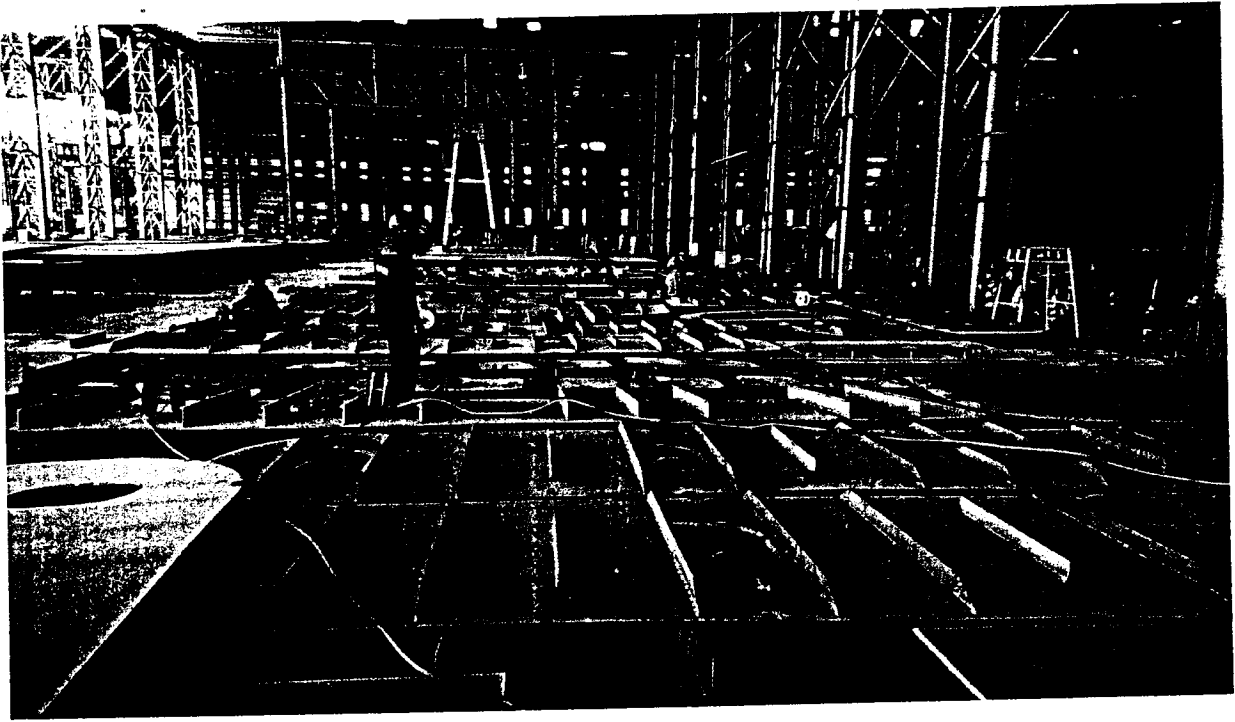
③ Ông CHÂU HOÀI THANH
THÀNH VIÊN



Sinh ngày: 15/08/1978 tại Đồng Nai
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 - 10/2007: Cty TNHH Chăn nuôi CP VN
- + 11/2007 - 05/2009: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.
- + 06/2009 – 01/2010: Phụ trách kế toán - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng - Tổng Công ty PTSC.
- + 02/2010 - 08/2010: Trưởng phòng Quản lý Vốn và Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.
- + 09/2010 - 04/2011: Kế toán Trưởng Công ty TNHH 1 TV Đóng tàu Nhơn Trạch.
- + 05/2011 - đến nay: Trưởng Phòng Quản lý Vốn và Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.



(Thi công chế tạo Block cho Công Ty TNHH một thành viên công nghiệp Tàu Thủy Dung Quất)

9. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

9.1. Tình hình Tài chính của Công ty qua các năm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	819.169,46	851.888,57	812.533,33
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	589.783,40	558.814,16	558.814,14
3	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	40.232,71	70.854,44	27.182,60
4	Nợ dài hạn	Triệu đồng	267.903,36	222.219,97	226.536,58
5	Doanh thu thuần từ HĐKD	Triệu đồng	160.197,02	200.778,06	56.118,70
6	Lợi nhuận gộp từ HĐKD	Triệu đồng	1.703,40	11.756,28	5.536,17
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.916,82	1.044,89	2.208,45
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	969,23	145,35	1.321,26
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	19,400	3,00	26,00

9.2. Các chỉ số tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2014
1	Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	8,21	8,21	20,87
	- Hệ số thanh toán hiện thời	lần	8,61	8,61	21,13
2	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
	- Nợ phải trả /Tổng Nguồn vốn	%	34,40	34,40	31,23
	- Vốn chủ sở hữu /Tổng Nguồn vốn	%	65,60	65,60	68,77
3	Khả năng sinh lời				
	- Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu (ROS)	%	0,06	0,06	1,48
	- Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,03	0,03	0,24
	- Lợi nhuận sau thuế /Tổng Tài sản (ROA)	%	0,02	0,02	0,16

10. QUẢN TRỊ RỦI RO:

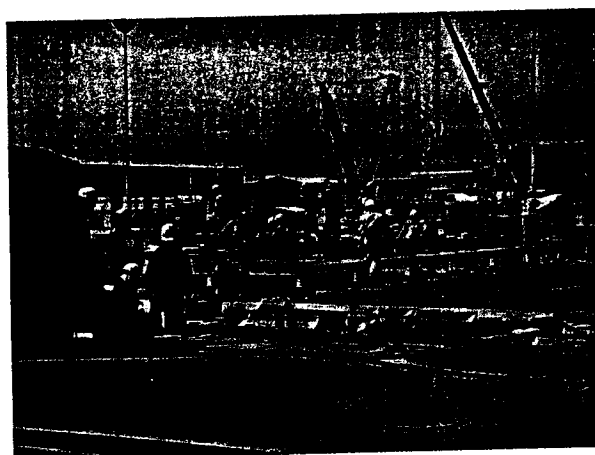
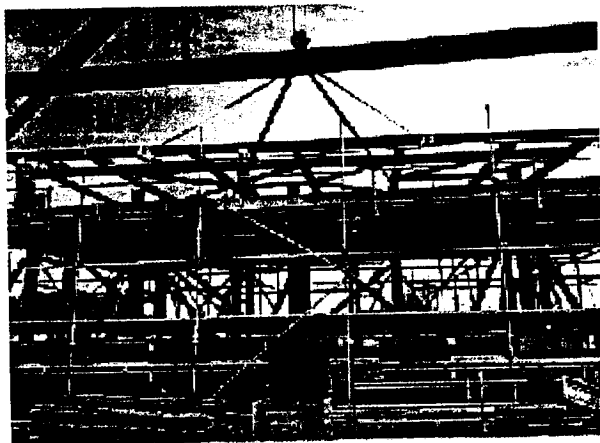
Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp là một quy trình được thiết lập bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan khác áp dụng trong quá trình xây dựng chiến lược doanh nghiệp thực hiện những sự vụ có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp đồng thời quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép nhằm đưa ra mức độ đảm bảo trong việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập, công tác quản trị rủi ro đã được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt. Hệ thống quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro tại Công ty được chia thành các nhóm chính sau:

- **Rủi ro trong kinh doanh:** là tất cả những yếu tố rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh bên ngoài Công ty như: chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh...

- **Rủi ro trong hoạt động:** là các rủi ro về vi phạm quy định chính sách nội bộ của Công ty hoặc các hoạt động gian lận như: tham ô, mất mát, lãng phí, hư hỏng, lạm dụng, phá hoại...
- **Rủi ro tuân thủ:** là các rủi ro liên quan đến pháp luật, hay chính là những việc vi phạm các văn bản pháp luật của nhà nước...
- **Rủi ro tài chính:** là những rủi ro liên quan đến các thiệt hại có thể xảy ra đối với thị trường tài chính do sự thay đổi của các biến số tài chính: giá cả, lãi suất, tỷ giá...

Việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo quy trình chặt chẽ phù hợp với đặc thù công việc của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu suất, hiệu quả lao động và tuân thủ luật pháp.



(Công nhân SMBĐ thi công chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí dầu khí đảm bảo an toàn)

Công ty áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe - Môi trường) giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân thủ luật pháp cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể trong lĩnh vực quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

bsi.



Certificate of Registration

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2008

Xác nhận rằng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI – BẾN ĐÌNH**
Tầng 16, Số 9,
Hoàng Diệu, Phường 1,
Thành Phố Vũng Tàu,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số: **FS 616818**

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2008 cho phạm vi:

Quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí

Đại diện cho tập đoàn BSI:

Giám Đốc Đảm Bảo Chất Lượng Toàn Cầu, Gary Fenton

Ngày đăng ký: **01/09/2011**

Ngày ban hành: **09/08/2014**

Ngày hết hiệu lực: **30/08/2017**



Trang: 1/1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](http://www.bsigroup.com/ClientDirectory). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A member of the BSI Group of Companies.

bsi.



By Royal Charter

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2008

This is to certify that:

SAO MAI - BEN DINH PETROLEUM INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY
9-11 Hoang Dieu Street,
Ward 1,
Vung Tau City,
Vietnam


Holds Certificate Number:

FS 616818

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2008 for the following scope:

Project management and construction of oil and gas works

For and on behalf of BSI:


Gary Fenton, Global Assurance Director

Originally registered: 01/09/2011

Latest Issue: 09/08/2014

Expiry Date: 30/08/2017

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated [online](http://www.bsi-global.com/ClientDirectory). Printed copies can be validated at www.bsi-global.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A Member of the BSI Group of Companies.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

1.1. Hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

Năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ) đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đều có sự tham gia đầy đủ của các Thành viên HĐQT ngoại trừ cuộc họp quý 4 năm 2016 do bận công tác nên Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên không thể tham gia được, HĐQT đã ban hành 08 Nghị quyết, 30 Quyết định để quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty. HĐQT đã chủ trì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 25/03/2016 thành công tốt đẹp với tỷ lệ tham dự của các cổ đông đạt trên 70%. HĐQT đã bám sát các quyết nghị của Đại hội cổ đông và tình hình thực tế để chỉ đạo quyết liệt các lĩnh vực hoạt động của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

- **Trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh:** Bên cạnh việc tiếp tục tìm kiếm các đối tác để đầu tư khai thác Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, Công ty xác định dịch vụ xây lắp cơ khí là một lĩnh vực chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty thực hiện các gói thầu xây lắp cơ khí cho các đơn vị và nhà thầu dầu khí đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

Doanh thu từ dịch vụ thi công chế tạo cơ khí năm 2016 đạt 45,49 tỷ đồng đạt 60,65% so với kế hoạch năm. Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành các gói thầu ký từ năm 2015 và thực hiện công việc thi công cơ khí ký mới năm 2016. Công ty đã tích cực, mở rộng tìm kiếm công việc tuy nhiên vẫn chưa đạt được so với kế hoạch doanh thu năm 2016. Các gói thầu thi công chế tạo cơ khí thực hiện gồm có: Các hạng mục công trình Nội thất hệ thống nhà ở cho giàn khoan Tam Đảo 05, chế tạo cho dự án Subsea 7; Chế tạo các block dự án AHTS; các tổng đoạn thân tàu cho các dự án của Sofel.

Doanh thu từ dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị năm 2016 là 50,53 tỷ đồng, đạt 167,87% kế hoạch năm. Mặc dù năm 2016 là năm rất khó khăn đối với lĩnh vực cung cấp máy móc thiết bị ngành dầu khí, tuy nhiên Công ty SMBĐ đã thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt, đồng bộ nên đã đạt vượt mức kế hoạch năm đã đề ra. Các dự án, hạng mục Công ty đã hoàn thành cung cấp máy móc thiết bị gồm: Hệ thống HVAC dự án sà lan nhà ở của DQS; Cung cấp bơm khác tiêu chuẩn API cho VSP; Cung cấp vật tư Cold Chamber phục vụ sà lan 150men; Cung cấp vật tư điện dự án E-house.

Doanh thu từ Dịch vụ tài chính trong năm 2016 là 26,14 tỷ đồng, đạt 95,33% so với kế hoạch năm. Doanh thu lĩnh vực này phụ thuộc chính vào lãi suất tiền gửi ngân hàng. Lãi suất mặt bằng chung toàn thị trường trong năm 2016 tương đối thấp không như kế hoạch đề ra.

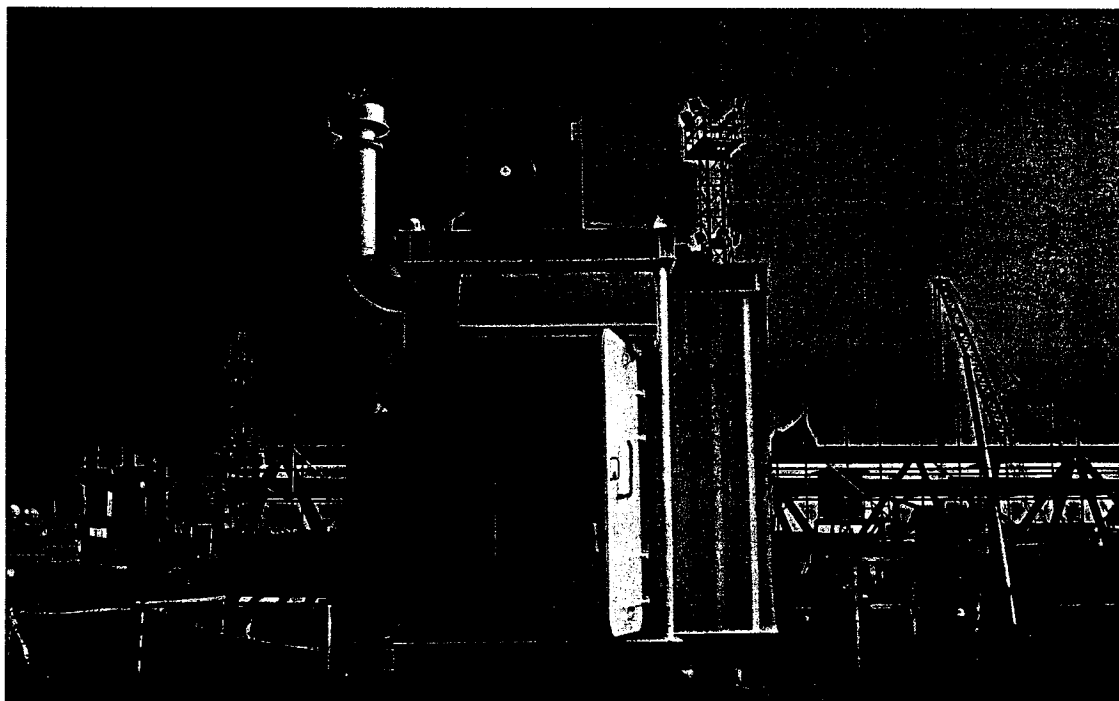
Ngoài các dịch vụ nêu trên, trong năm 2016 Công ty SMBĐ vẫn đảm bảo tính ổn định doanh thu qua các năm từ dịch vụ kho bãi, dịch vụ cho thuê lao động, dịch vụ khác... Đồng thời trong

năm 2016 Công ty SMBĐ đã tham gia hai lĩnh vực mới là phân phối khí hóa lỏng và phân bón dầu khí với mục tiêu thu hồi vốn nhanh, bảo toàn nguồn vốn, mang lại lợi nhuận cho Công ty trong giai đoạn khó khăn của các hoạt động cơ khí dầu khí, cung cấp máy móc thiết bị dầu khí. Kết quả thực hiện doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 đã mang lại doanh thu là 22,47 tỷ đồng.

- **Trong công tác đầu tư và quản lý dự án:** HĐQT đã chỉ đạo kịp thời và triển khai các giải pháp để đảm bảo sự thành công của các dự án, cụ thể:

- + Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình: Trên cơ sở Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 05/06/2014 của UBND tỉnh BR-VT về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất thu hồi Căn cứ Dịch vụ Hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình, Sở Tài nguyên Môi trường đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký Hợp đồng thuê đất đợt 1 với diện tích 819.325,4m² cho Công ty. Đã hoàn thành việc tính đơn giá đất làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính trả tiền thuê đất. Hiện Công ty đang thực hiện các thủ tục xin ưu đãi đầu tư.
- + Về việc đầu tư tuyến đường tạm vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình: Công ty đang tiếp tục phối hợp làm việc với PVC-MS, PTSC-MC và PV Shipyard theo chủ trương đã thống nhất về phương thức góp vốn.
- + Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500: UBND tỉnh đã có văn bản số 4012/UBND-VP ngày 7/6/2016 thống nhất phương án tuyến và vị trí ga Tiền Cảng Vũng Tàu như đề nghị của Công ty SMBĐ. Ngày 20/9/2016, Công ty SMBĐ đã gửi văn bản số 975/SMBĐ-ĐTXD tới Cục đường sắt Việt Nam về việc xem xét và chấp thuận kết quả nghiên cứu điều chỉnh vị trí ga Tiền Cảng Vũng Tàu thuộc dự án đường sắt Biên Hòa – Vũng Tàu.
- + Dự án Khu dịch vụ Dầu khí 35ha: Hiện Công ty đang hoàn thành công tác đầu tư mặt bãi khu 7ha. Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư các hạng mục phụ trợ của khu bãi 7ha như hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- **Trong công tác tài chính:** HĐQT đặc biệt quan tâm và đã chỉ đạo giám sát chặt chẽ tình hình tài chính, tăng cường công tác quản trị rủi ro, quản lý công nợ, thực hiện các biện pháp, chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí. Tài chính của Công ty lành mạnh, không để xảy ra nợ xấu, nguồn vốn của Công ty được sử dụng hiệu quả, linh hoạt nên được bảo toàn, phát triển.
- + Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016 đạt 559,78 tỷ đồng cao hơn so với thời điểm đầu năm. Các chỉ số khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2016 đều > 1 cho thấy Công ty luôn đảm bảo khả năng tài chính để thanh toán các khoản nợ phải trả.
- + Trong công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Hội đồng quản trị đã ban hành, giám sát và chỉ đạo Công ty tuân thủ thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2016. Việc thực hiện tiết kiệm chống lãng phí đã được Công ty quán triệt và thực hiện nghiêm túc theo đúng Chương trình đã ban hành.

- **Trong quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư:** HĐQT đã thực hiện đầy đủ công tác cung cấp các thông tin liên quan trong quá trình điều hành theo quy định của pháp luật đối với tổ chức niêm yết. Phục đáp và giải trình kịp thời các ý kiến của cổ đông. Các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị,... và các tài liệu liên quan khác được công bố đúng hạn đến các cơ quan quản lý, chức năng và các cổ đông và nhà đầu tư quan tâm; đảm bảo các quyền lợi của cổ đông theo đúng Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.



(Lắp đặt và hoàn thiện Phòng UPS & Battery cho XN Xây lắp, Khảo sát và Sửa chữa - VSP)

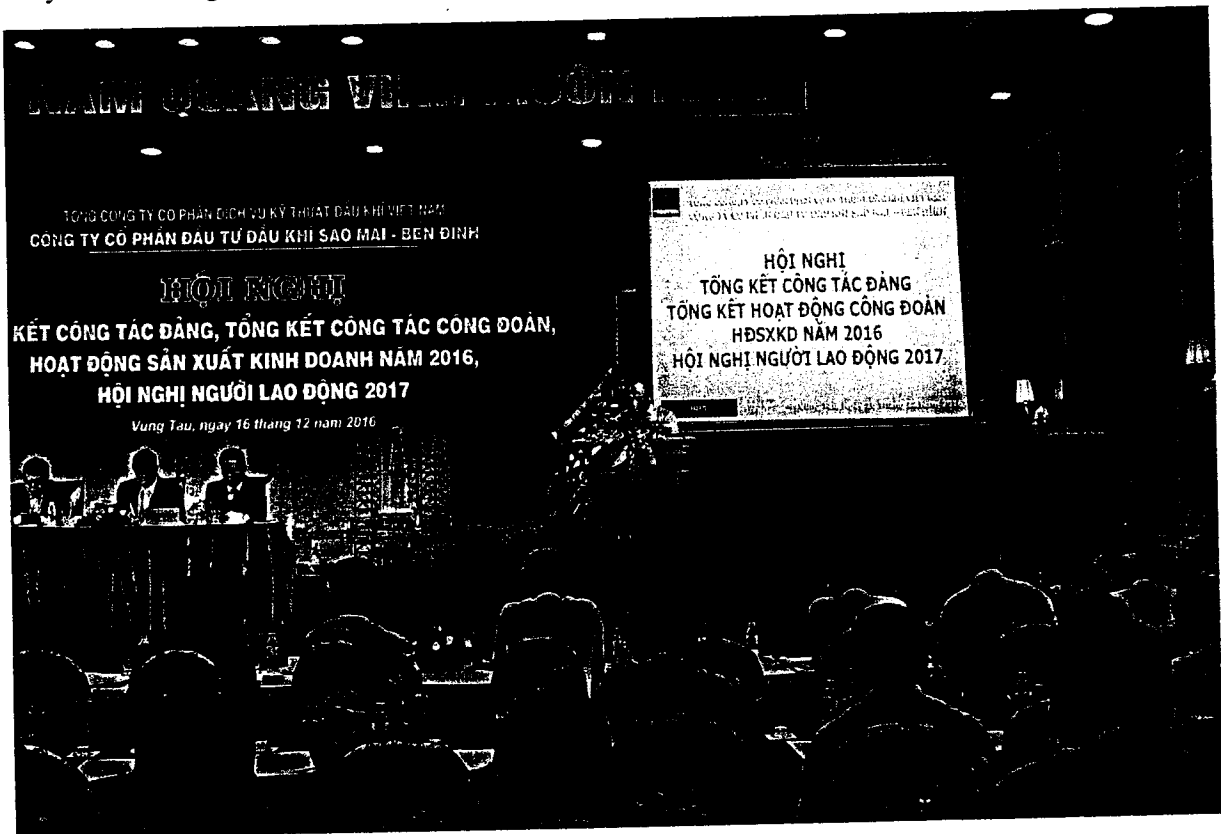
1.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban điều hành:

Năm 2016, Ban điều hành đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trong năm tài chính 2016:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực; các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.
- Các chỉ số tài chính an toàn, đảm bảo và phát triển giá trị Vốn chủ sở hữu; dòng tiền ổn định.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ lãnh đạo, lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Tuy nhiên, để kết quả sản xuất kinh doanh đạt được những phát triển bền vững hơn nữa, Ban điều hành cần rà soát, triển khai và cải cách hệ thống quy trình làm việc; tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp, đồng bộ và thống nhất giữa các Phòng và Đội Xây lắp Dịch vụ trong quá trình phối hợp công việc. Xây dựng một đội ngũ chuyên sâu trong công tác thương mại, marketing, tìm kiếm khách hàng trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn trong bối cảnh thị trường kinh doanh ngày càng có nhiều cạnh tranh khốc liệt.



(Lãnh đạo Công ty đối thoại cùng người lao động tại Hội nghị người lao động)

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016:

2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng quý, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban Kiểm soát theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

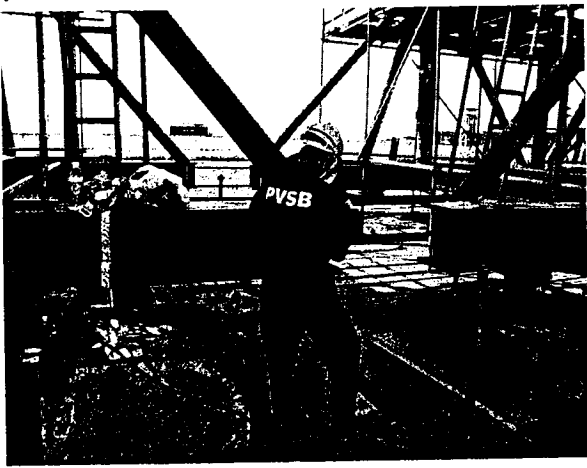
- Kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; xem xét, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất, phạm vi và kết quả kiểm toán.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty PTSC trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

2.2. Đánh giá hoạt động:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty; Ban Kiểm soát được mời tham đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác.
- Ban Kiểm soát xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam, xem xét ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ.
- Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo Tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập Báo cáo Tài chính hàng quý của Ban Kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Giám đốc.

2.3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Nhằm đảm bảo chiến lược phát triển bền vững, Công ty cần chú trọng công tác quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đề thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ quản lý, Công ty cần tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng và chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng và gắn bó lâu dài với SMBĐ.
- Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách, tiết kiệm chi phí, bảo đảm tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.



(Ban lãnh đạo Công ty làm việc với MATRADE do Phòng Thương vụ Malaysia tổ chức)



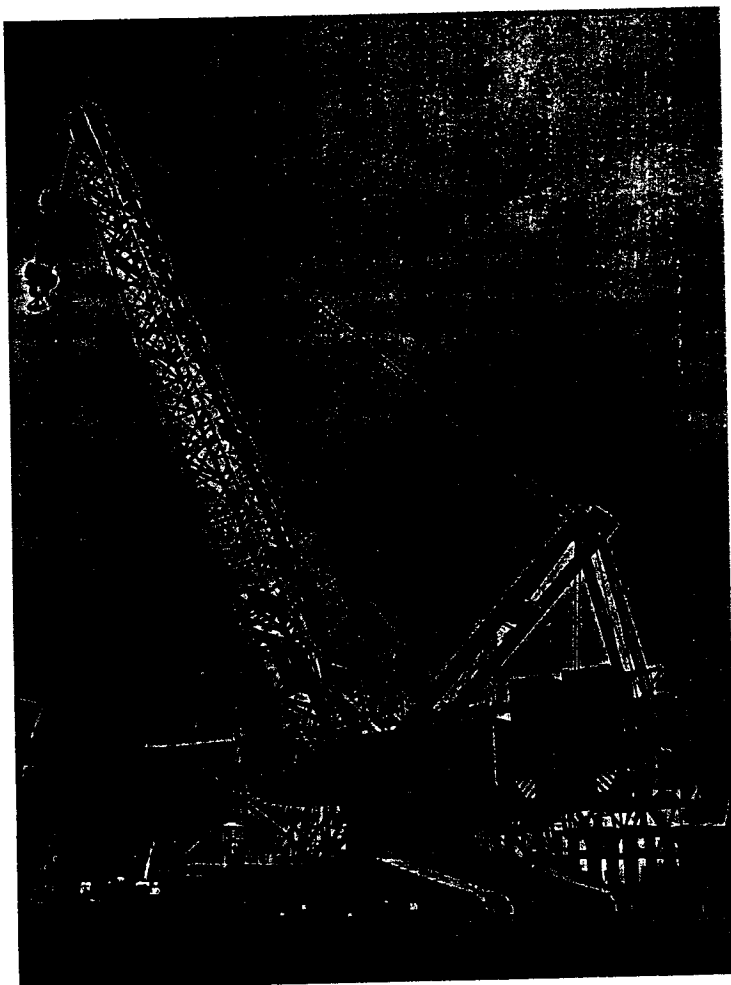
(Gia công chế tạo Block tại xưởng cơ khí)

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. TỔNG QUAN NĂM 2016:

Thế giới năm 2016 kết thúc với nhiều khó khăn vẫn chưa được giải quyết, xung đột xảy ra ở nhiều nơi. Trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát... Tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong khi yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao. Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do giá dầu thô giảm mạnh, cùng với diễn biến phức tạp của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới và sự suy giảm của một số nền kinh tế lớn đã ảnh hưởng nhất định đến nước ta.

Vươn lên từ những khó khăn chung, đặc biệt được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC); Sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị thành viên trong Tổng công ty PTSC và trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, cùng sự ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi của địa phương; Xác định đúng tình hình, bám sát đầu tư và sản xuất kinh doanh, Công ty SMBĐ đã thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt các hợp đồng cung ứng dịch vụ cho các công ty và nhà thầu dầu khí, đẩy mạnh các hoạt động marketing tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ mới, thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



(Nghiệm thu và bàn giao cầu bánh xích LR 11350 - CRAWLER CRANE LR 11350 cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga Vietsovetro)

Với truyền thống đoàn kết, tinh thần làm việc nhiệt tình, năng động, sáng tạo, Công ty SMBĐ đã nỗ lực phấn đấu thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Năm 2016, trong hoàn cảnh giá dầu thấp, đầu tư suy giảm, nhiều dự án công trình phải dừng hoặc phải giãn tiến độ, thời điểm khó khăn chồng chất khó khăn, Công ty SMBĐ đã giữ vững ý chí, phát huy nội lực cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao cho. Bên cạnh nhiệm vụ chính là đầu tư xây dựng và khai thác Căn cứ Dịch vụ Hàng hải SMBĐ, Công ty tiếp tục đẩy mạnh mở rộng hoạt động kinh doanh như thi công cơ khí phục vụ các dự án của ngành dầu khí và mua bán máy móc thiết bị dầu khí. Đặc biệt, Công ty đã mở rộng kinh doanh hai lĩnh vực mới là dịch vụ cho thuê lại lao động và phân phối phân

bón, cung cấp khí hóa lỏng. Đây là hai lĩnh vực mới nhưng đã góp phần không nhỏ trong việc đem lại nguồn thu, mang lại lợi nhuận cho Công ty trong giai đoạn khó khăn.

Nhìn chung, các chỉ tiêu cơ bản và các nhiệm vụ trong năm đã đạt kế hoạch đề ra. Về kết quả thực hiện cả năm 2016 của Công ty: Tổng Doanh thu đạt 187,92 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch năm, giảm 17,6% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt 1,92 tỷ đồng, đạt 160% kế hoạch năm.

Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện Năm 2016	Thực hiện Năm 2015	Tỷ lệ hoàn thành năm
1	Tổng doanh thu	165,80	187,92	227,99	113,3%
	- Doanh thu HĐSXKD	138,38	160,20	200,77	115,8%
	- Doanh thu HĐTC	27,42	27,72	27,02	95,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	2,00	1,92	1,04	96,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	0,70	0,97	0,15	138,6%
4	Nộp ngân sách nhà nước	2,83	0,52	13,53	-
5	Đầu tư XDCB và PTTB				
	- Giá trị thực hiện đầu tư	188,00	23,70	61,58	12,6%
	- Giá trị giải ngân	203,16	45,60	22,51	22,45%

2.2. Tình hình Tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Tổng tài sản	851.888.573.986	851.888.573.986
2	Vốn chủ sở hữu	558.814.157.828	558.814.157.828
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	200.778.064.230	200.778.064.230
4	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	11.756.276.584	11.756.276.584
5	Lợi nhuận trước thuế	1.044.889.020	1.044.889.020
6	Lợi nhuận sau thuế	145.351.493	145.351.493
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	3

2.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Tình hình Tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
I- Tài sản ngắn hạn	538.480.000.943	610.162.490.756
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	29.566.423.861	43.313.078.488
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	430.000.000.000	450.000.000.000
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	70.717.343.302	83.360.522.080
4- Hàng tồn kho	1.537.461.834	28.257.115.341
5- Các tài sản ngắn hạn khác	6.658.771.946	5.231.774.847
II- Tài sản dài hạn	280.639.460.523	241.726.083.230
1- Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000	3.000.000
2- Tài sản cố định	16.681.489.070	20.101.777.300
3- Bất động sản đầu tư	197.541.863.907	202.277.135.763
4- Tài sản dở dang dài hạn	65.068.947.896	18.914.542.980
5- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
6- Tài sản dài hạn khác	1.344.159.650	429.627.187
Tổng tài sản	819.119.461.466	851.888.573.986

Tình hình Nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
I- Nợ phải trả	259.336.069.380	293.074.416.158
1 - Nợ ngắn hạn	41.432.705.077	70.854.443.991
2 - Nợ dài hạn	217.903.364.303	222.219.972.167
II- Vốn chủ sở hữu	559.783.392.086	558.814.157.828
1 - Vốn chủ sở hữu	559.783.392.086	558.814.157.828
2 - Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
Tổng nguồn vốn	819.119.461.466	851.888.573.986

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2016:

3.1. Dịch vụ thi công chế tạo cơ khí:

Năm 2016, toàn ngành dầu khí nói chung và Công ty SMBĐ nói riêng phải chịu một tác động rất lớn do giá dầu giảm mạnh và duy trì ở mức thấp, các dự án, công trình dầu khí của các Nhà thầu cũng giảm theo, thậm chí hủy bỏ các đề án đã có trong kế hoạch. Không nằm ngoài quy luật đó, dịch vụ thi công cơ khí chế tạo của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường, tìm kiếm thêm các hợp đồng dịch vụ mới, dẫn đến việc thực hiện kế hoạch doanh thu lĩnh vực này cũng bị ảnh hưởng nặng nề.

Trước tình hình đó, Công ty đã chung sức đồng lòng vượt qua khó khăn, nỗ lực duy trì thực hiện và hoàn thành, quyết toán các gói thầu đã ký từ năm 2015 cũng như thực hiện công việc thi công cơ khí ký mới năm 2016 gồm:

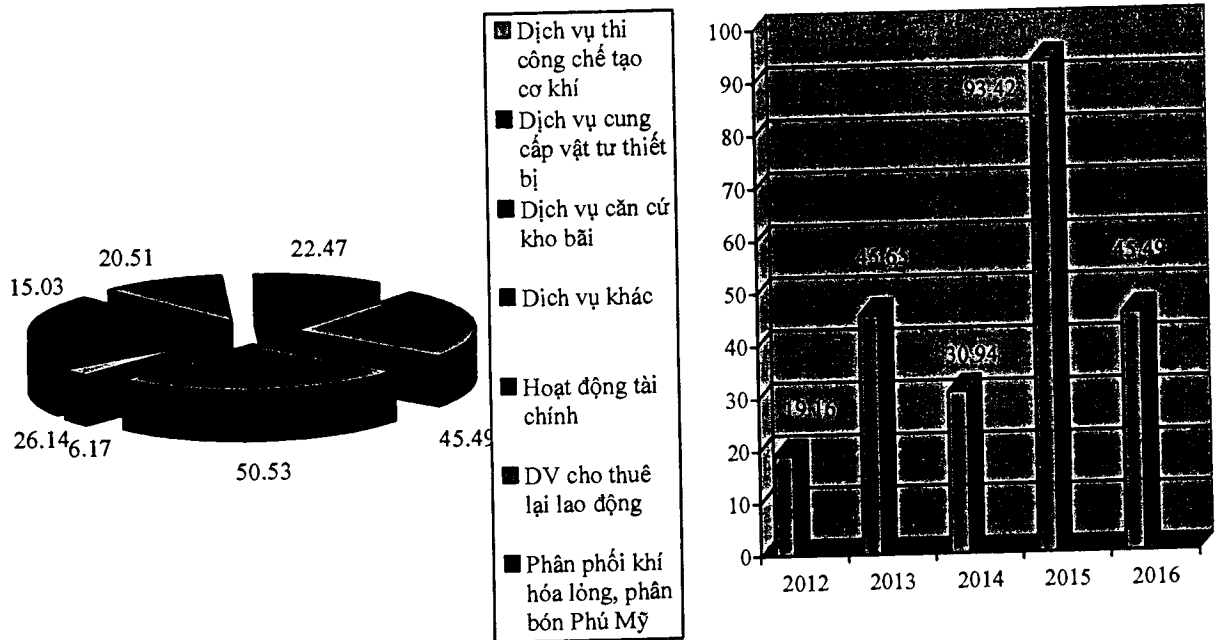
- Thi công các khối kết cấu thuộc dự án đóng mới giàn khoan tự nâng Tam đảo 05 theo Hợp đồng ký với Công ty PV Shipyard giá trị 19,22 tỷ đồng.
- Cung cấp dịch vụ thi công trọn gói Nội thất hệ thống nhà ở trên giàn khoan Tam đảo 05 theo Hợp đồng ký với Công ty PV Shipyard giá trị 11,47 tỷ đồng.
- Cung cấp vật tư & gia công chế tạo cho dự án PY Fab - Subsea 7 ký với Công ty POS giá trị 15,27 tỷ đồng.
- Gia công chế tạo bock dự án AHTS ký với Công ty DQS giá trị 4,89 tỷ đồng.
- Chế tạo cung cấp vật tư và lắp đặt nội thất cho E-house Dự án Sư Tử Trắng Hợp ký với VSP giá trị 3,88 tỷ đồng.
- Chế tạo cần đuốc – Flareboom, chế tạo Grilages, chế tạo PIP Topside Module cho PIP LQ Jacket cho Công ty PTSC MC giá trị 10,87 tỷ đồng.
- Chế tạo các tổng đoạn thân tàu cho các dự án của Sofel; Dịch vụ cắt CNC 300T và 600T cho Công ty TNHH Đóng tàu và cơ khí Hàng hải Sài Gòn với tổng giá trị hơn 32 tỷ đồng.

Doanh thu Dịch vụ thi công chế tạo cơ khí năm 2016 là: 45,49 tỷ đồng, đạt 61% so với kế hoạch năm, giảm 51 % so với thực hiện cùng kỳ năm trước.



(Hoàn thành và đưa vào sử dụng xưởng gia công chế tạo cơ khí tại bãi chế tạo của Công ty)

Doanh thu dịch vụ thi công chế tạo cơ khí năm 2016 là 45,49 tỷ đồng đạt 60,65% so với kế hoạch năm.



Biểu đồ cơ cấu tỷ trọng doanh thu năm 2016

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu dịch vụ cơ khí



(Bọc bảo ôn cho hệ thống Block giàn Tam Đào – 05)

3.2. Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị:

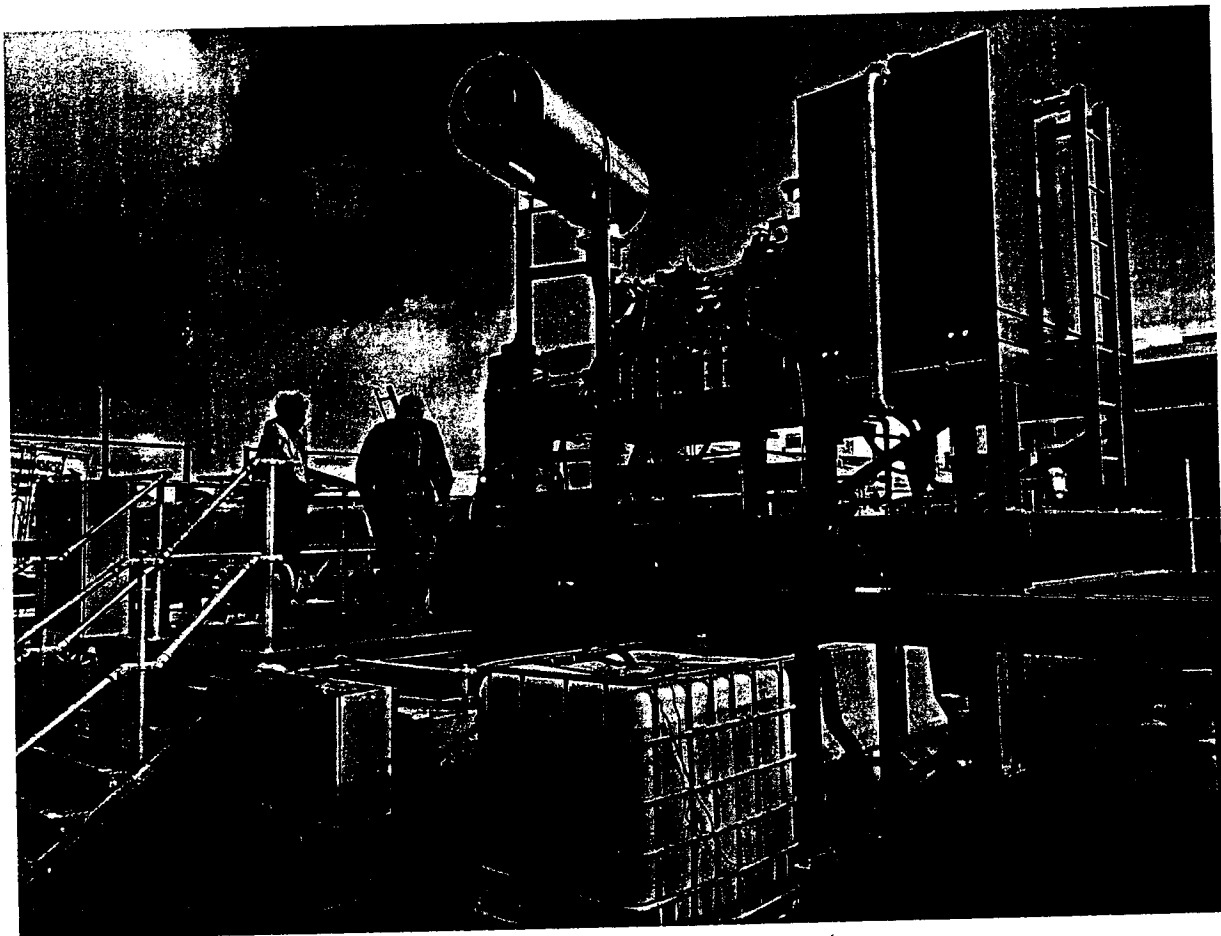
Do sự suy giảm của số lượng các gói thầu mới và sự tham gia của các Nhà thầu ngoài ngành. Tuy nhiên, Công ty SMBD đã nỗ lực thực hiện công tác marketing, tham gia đấu thầu và đã thực hiện một số công việc tiêu biểu gồm:

- Thực hiện việc cung cấp vật tư thiết bị cho Sà lan nhà ở với DQS. (Hệ thống HVAC) cho Công ty DQS giá trị 11,55 tỷ đồng.
- Thực hiện việc cung cấp vật tư nội thất phục vụ Sà lan nhà ở tại DQS cho Công ty DQS giá trị 11,39 tỷ đồng.
- Thực hiện việc cung cấp vật tư Cold Chamber phục vụ xà lan 150 men cho Công ty DQS giá trị 1,97 tỷ đồng.
- Thực hiện việc mua bán Instrument Cable – Dự án STT E- House cho VSP giá trị 3,88 tỷ đồng.

- Thực hiện cung cấp vật tư tự động hóa và thông tin liên lạc cho giàn RC9RC5 lô 09-01 cho VSP giá trị 154.768,99 USD.
- Cung cấp Instrument Bulk material cho lô 04.3 cho VSP giá trị 975.946,00 USD.

Công ty đã tích cực tiếp cận các dự án mới và quản lý chặt chẽ nhà cung cấp nhằm đảm bảo cung cấp vật tư, hàng hóa đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ theo yêu cầu.

Doanh thu thực hiện từ dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị năm 2016 là 50,53 tỷ đồng, đạt 168 % so với kế hoạch năm, giảm 40 % so với thực hiện cùng kỳ năm trước.



(Bàn giao hệ thống bơm cứu hỏa cho giàn Thiên Ưng cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga)

3.3. Dịch vụ căn cứ kho bãi:

Năm 2016, Công ty tiếp tục cung cấp dịch vụ kho bãi ổn định cho PVC MS, PV Shipyard theo các Hợp đồng dài hạn đã ký. Công ty nâng kế hoạch dịch vụ này cao hơn nhiều so với các năm trước do dự kiến cho thuê Khu bãi 07ha với mức giá cho thuê cao hơn rất nhiều so với mức giá các Hợp đồng dài hạn đã ký trước đây (riêng khu bãi 07ha chiếm tỷ trọng 67% kế hoạch doanh thu dịch vụ Căn cứ kho bãi cả năm 2016). Tuy nhiên, dù nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Tập đoàn DKVN, từ Tổng Công ty PTSC nhưng do ảnh hưởng của thị trường dầu khí kém sôi động dẫn đến lượng khách hàng quan tâm sử dụng bãi giảm nên việc kêu gọi, cung cấp dịch vụ Khu bãi 07ha cho các khách hàng mới gặp khó khăn, dẫn đến Doanh thu cho thuê bãi không đạt được so với kỳ vọng. Công ty SMBĐ đang tiếp tục nỗ lực kêu gọi các khách hàng

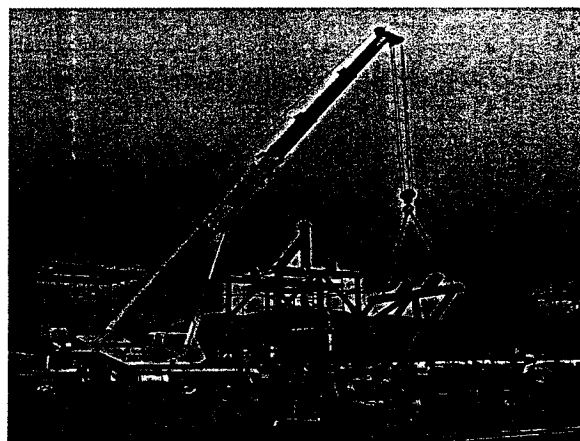


tiềm năng vào sử dụng dịch vụ kho bãi dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình nói chung và dự án thành phần Khu dịch vụ dầu khí 35ha thuộc Dự án Căn cứ dịch vụ HHDK Sao Mai – Bến Đình nói riêng.

Doanh thu thực hiện từ dịch vụ kho bãi năm 2016 là 6,17 tỷ đồng, đạt 40% so với kế hoạch năm, tăng 19% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.



(Mặt bằng cơ sở hạ tầng cho Công ty PVShipyards thuê)



3.4. Dịch vụ khác (cung cấp điện nước, phụ trợ):

Các loại hình dịch vụ lĩnh vực này chủ yếu là việc cung cấp các dịch vụ cung cấp điện, cung cấp nước cho các đơn vị thuê bãi khu Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Công ty đã hoàn thành hệ thống cấp điện bổ sung cho Công ty PVC MS. Tuy nhiên trong năm 2016, doanh thu từ dịch vụ này cũng bị ảnh hưởng do nhiều dự án giãn hoặc dừng tiến độ dẫn tới các công trình thi công tại bãi giảm nhiều.

Doanh thu thực hiện từ dịch vụ này năm 2016 là 15,03 tỷ đồng, đạt 86% so với kế hoạch năm, giảm 12% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

3.5. Dịch vụ thuê lao động :

Hiện nay cung cấp dịch vụ cho thuê nhân lực Dự án cũng đã đem lại nguồn thu, hiệu quả cho Đơn vị. Nhân lực hiện nay chủ yếu cung cấp cho các Dự án của Tổng Công ty PTSC. Các dự án hiện công ty đang cung cấp Nhân lực như Dự án NPK/NH3; Dự án GPP Cà Mau. Tổng số Người lao động cho thuê lại đến thời điểm hiện tại là 55 người. Đây được xem là lĩnh vực mới và mang lại doanh thu lợi nhuận, Đơn vị sẽ tập trung phát triển lĩnh vực này sâu, rộng hơn nữa.

Doanh thu thực hiện từ dịch vụ này năm 2016 đạt 20,51 tỷ đồng.

3.6. Phân phối khí hóa lỏng, phân bón Phú Mỹ :

Đây là hai lĩnh vực Công ty SMBĐ mới tham gia trong năm 2016 với mục tiêu thu hồi vốn nhanh, bảo toàn nguồn vốn, mang lại lợi nhuận cho Công ty trong giai đoạn khó khăn của các hoạt động cơ khí dầu khí, cung cấp máy móc thiết bị dầu khí.

Đây cũng là lĩnh vực kinh doanh mới và trong năm 2016, điều kiện thời tiết thất thường trên diện rộng, trong khi đó giá dầu giảm dẫn tới giá phân đạm trên thị trường chung cũng giảm trên toàn cầu, nên sản lượng tiêu thụ của Công ty chưa đạt được so với kỳ vọng, kế hoạch. Tuy nhiên trong năm 2017, khi các khách hàng, đại lý cấp 2 của Công ty được xây dựng ổn định, lĩnh vực phân phối phân bón vẫn là lĩnh vực kinh doanh tiềm năng mang lại lợi nhuận cao cho Công ty.

Doanh thu thực hiện từ dịch vụ này năm 2016 ước đạt 22,47 tỷ đồng.

3.7. Doanh thu tài chính:

Trong năm 2016, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 2,66% so với bình quân năm 2015 nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây dẫn đến lãi suất tiền gửi ngân hàng sau khi có xu hướng tăng nhẹ 0,2% - 0,3% trong ba tháng đầu năm thì đã duy trì ổn định và từ tháng 4/2016 từng bước được một số tổ chức tín dụng điều chỉnh giảm, diễn biến ổn định ở mức thấp trong những tháng cuối năm. Bên cạnh đó, tỷ giá USD/VND giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm và tương đối ổn định, thấp hơn khoảng 0,8% so với cuối năm 2015 dẫn đến lãi suất ngân hàng vẫn được kiểm chế ở mức ổn định và sẽ có xu hướng giảm, ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động tài chính của Công ty.

Doanh thu thực hiện từ dịch vụ này năm 2016 là 26,14 tỷ đồng, đạt 95% so với kế hoạch năm, giảm 3% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

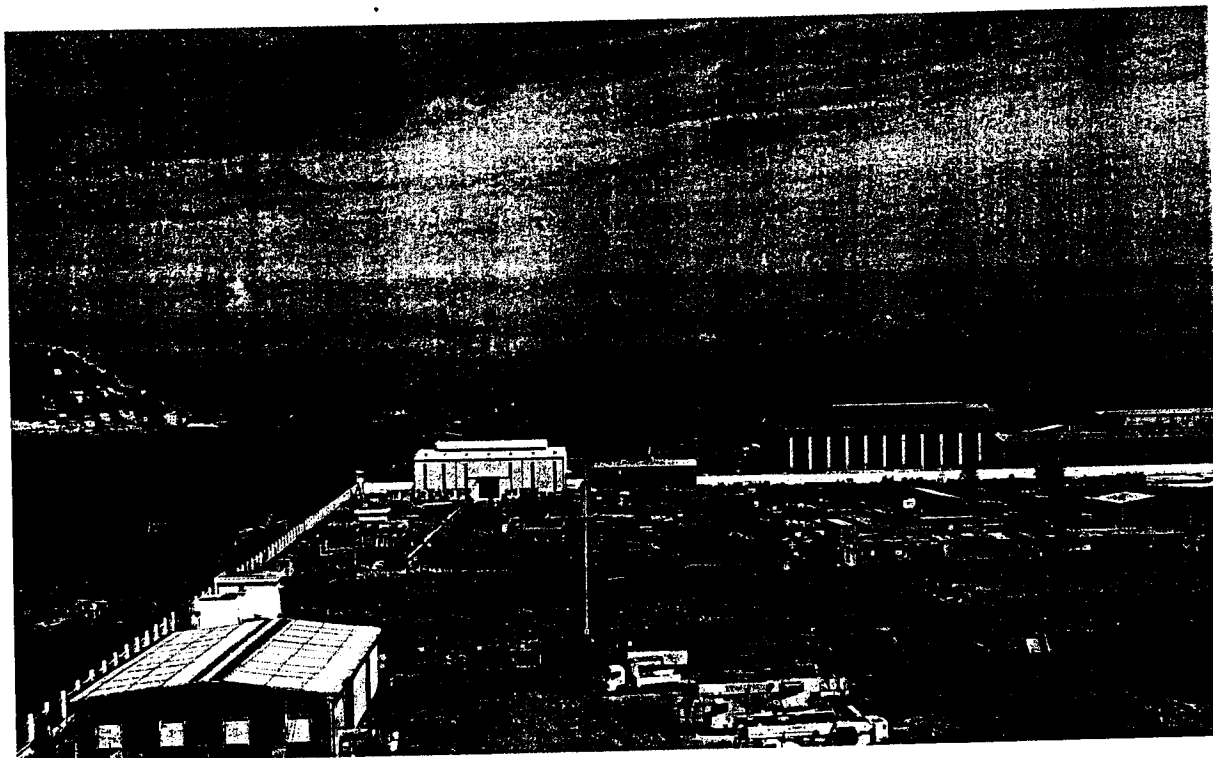


(Đoàn công tác SMBĐ-VSP khảo sát hệ thống bơm cứu hỏa tại Australia)

4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

4.1 Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình:

- Tiếp tục thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cho khu đất còn lại theo Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ (đợt 1) của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (hiện nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đất 81,9ha). UBND tỉnh BRVT đã có văn bản tiếp tục chỉ đạo UBND thành phố Vũng Tàu xem xét đơn khiếu nại của 12 hộ dân khu đường vào Căn cứ Dịch vụ HHDK Sao Mai – Bến Đình. Do đó tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng khu đất này tiếp tục bị kéo dài. Công ty SMBĐ đang theo dõi chặt chẽ từng bước để phối hợp thực hiện.
- Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500: UBND tỉnh đã có văn bản số 4012/UBND-VP ngày 7/6/2016 thống nhất phương án tuyến và vị trí ga Tiền Cảng Vũng Tàu như đề nghị của Công ty SMBĐ. Ngày 20/9/2016, Công ty SMBĐ đã gửi văn bản số 795/SMBĐ-ĐTXD tới Cục đường sắt Việt Nam về việc xem xét và chấp thuận kết quả nghiên cứu điều chỉnh vị trí ga tiền cảng Cũng Tàu thuộc dự án đường sắt Biên Hòa – Vũng Tàu.
- Công ty đã nhận được thông báo tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng đợt 1 và đợt 2 năm 2016 cho khu đất 81,9ha dự án Căn cứ Dịch vụ HHDK Sao Mai – Bến Đình.



(Xưởng gia công chế tạo cơ khí)

4.2. Dự án Khu dịch vụ Dầu khí 35ha:

- Gói thầu XL-03.1 : Thi công công trình mặt bãi, hệ thống cấp thoát nước phân khu 1 – phân kỳ 1 (07ha) : Nhà thầu thi công đang triển khai đảm bảo tiến độ. Thời gian hoàn thành là 150 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Đối với các hạng mục phụ trợ : Đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu thực hiện Gói thầu thi công hệ thống cấp điện phân kỳ 1 giai đoạn I Khu dịch vụ dầu khí 35ha ; Đang tiến hành tổ chức lựa chọn nhà thầu Thi công Hệ thống PCCC phân khu 1 - phân kỳ 1(7ha).

5. HOẠT ĐỘNG KHÁC:

Ngoài các hoạt động thương mại, Ban điều hành Công ty luôn tìm cách và triển khai các hoạt động PR, marketing để giới thiệu, quảng bá hình ảnh Công ty đến các nhà đầu tư, các công ty và nhà thầu dầu khí, các khách hàng trong và ngoài nước.

Năm 2016, Công ty Sao Mai – Bến Đình trở thành đại lý phân phối của Đạm Phú Mỹ và đây là lĩnh vực tiềm năng trong những năm tới góp phần mang lại lợi nhuận cao cho Công ty.

6. KẾ HOẠCH NĂM 2017:

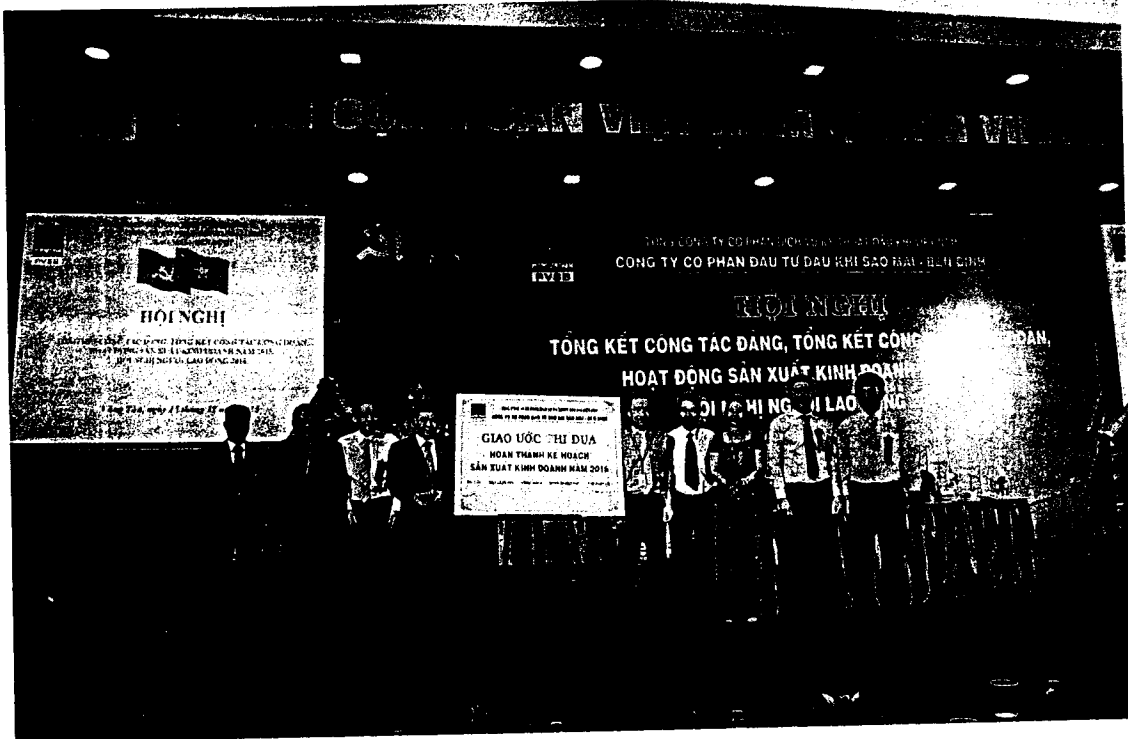
Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức đặc biệt đối với các doanh nghiệp dầu khí bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của giá dầu và nền kinh tế thế giới. Những bất ổn này tác động mạnh vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty SMBĐ trong năm tới. Các dự án mới phát triển mở hầu hết bị giãn, dừng triển khai. Các Doanh

nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoan thăm dò, khai thác đang có xu hướng thu hẹp hoạt động ngày càng tăng. Các khách hàng tiềm năng có nhu cầu sử dụng kho bãi cũng đang tính toán lại nhu cầu sử dụng. Trong bối cảnh đầy khó khăn như vậy, việc duy trì và đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững đã và đang đặt ra cho mỗi Lãnh đạo, Người lao động Công ty SMBĐ những đòi hỏi ngày càng cao về trách nhiệm, sự tâm huyết, bản lĩnh và năng lực kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên, trong năm 2017, Công ty SMBĐ sẽ tiếp tục phát triển các loại hình kinh doanh Công ty đã xây dựng được thương hiệu, các lĩnh vực đã và đang mang lại lợi nhuận cho Công ty như: cung cấp dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ; kinh doanh và cung cấp sản phẩm phục vụ công nghiệp dầu khí, cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị; mở rộng lĩnh vực hoạt động, đấu thầu thi công các khối kết cấu phục vụ đóng mới, sửa chữa giàn khoan, tiếp tục phát triển dịch vụ cho thuê lại lao động, phân phối phân bón, cung cấp khí hóa lỏng và các sản phẩm có tiềm năng khác để mang lại lợi nhuận cho Công ty. Ngoài ra, nhằm đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của ngành Xuất Nhập Khẩu trong thời kỳ hội nhập Kinh tế Quốc tế, Công ty không ngừng tìm tòi, nghiên cứu, xác định tầm nhìn, định hướng mở rộng các mảng kinh doanh mới như kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa Xuất Nhập Khẩu...

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2016 và nhận định, đánh giá các cơ hội thị trường trong năm 2017, Công ty SMBĐ đã dự thảo và đề xuất kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2017 như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500,00
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	171,78
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,20
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,89
5	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	104,33
6	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	96,80



*(Lãnh đạo Công ty và đại diện Người lao động ký kết giao ước
Thi đua hoàn thành kế hoạch năm 2016)*

Để đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch trên, Công ty đã đề ra một số biện pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát triển các loại hình sản xuất kinh doanh hiện đang mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty như dịch vụ xây lắp cơ khí và kinh doanh thương mại.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát bảo đảm tuân thủ các quy định; bảo toàn và phát huy hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn và tài sản; hoàn thiện Quy chế tài chính phù hợp với mô hình mới (PTSC nắm giữ 51% vốn điều lệ).
- Duy trì tốt, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMTCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 :2010.
- Đẩy mạnh công tác Marketing, tăng cường phát triển việc liên doanh, liên kết, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, trong ngành và ngoài ngành dầu khí để phát huy các thế mạnh của mỗi đơn vị nhằm tăng sức cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ.
- Bố trí, tổ chức bộ máy quản lý, nghiên cứu, đổi mới và cải tiến phương thức quản trị Công ty theo xu hướng chất lượng, gọn nhẹ, thực chất, một người có thể đảm đương nhiều công việc. Rà soát để sắp xếp lại các chức danh công việc giữa các Phòng; tổ chức, luân chuyển CBCNV tăng cường cho các bộ phận trực tiếp sản xuất để trao dồi kinh nghiệm tại cơ sở. Chú trọng thực

hiện các giải pháp ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động. Duy trì và liên tục cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý chung, quản lý an toàn sức khỏe môi trường chất lượng,... tăng cường công tác phát động phong trào, có cơ chế khuyến khích Người lao động phát huy sáng kiến, giữ chân lao động giỏi có tay nghề gắn bó với Công ty.

- Quản lý chặt chẽ chi phí và xây dựng công trình, áp dụng triệt để các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các lĩnh vực; cập nhật, rà soát để hoàn thiện các quy định về quản lý, các định mức hiện đang áp dụng trong Công ty.



(Tham gia hội thao các đơn vị thành viên Tổng công ty PTSC tại Vũng Tàu năm 2016)

IV. MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG:

1. Minh bạch thông tin:

Nhận thức được tầm quan trọng và xem vai trò của minh bạch thông tin là một phần không thể thiếu trong sự phát triển bền vững, lâu dài của Công ty. SMBĐ đã xây dựng và không ngừng cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, quy trình trao đổi thông tin trong và ngoài Công ty, tạo sự liên kết trong nội bộ SMBĐ, giữa SMBĐ với các cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Trong những năm qua, Công ty đã tiếp đón nhiều cổ đông, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, các đối tác chiến lược,... nhằm giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty, cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như chia sẻ kế hoạch đầu tư, định hướng phát triển kinh doanh của SMBĐ trong tương lai.

Công ty đã ban hành quy trình công bố thông tin để toàn thể cán bộ công nhân viên nhận thức được vai trò của minh bạch thông tin và nắm được quy trình công bố thông tin theo đúng pháp luật, là cơ sở để quản lý hoạt động trao đổi thông tin dễ dàng hơn.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin định kỳ theo quy định như Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị, ... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông tin được thường xuyên cập nhật và đăng tải trên website www.pvsb.com.vn đảm bảo tính công khai và minh bạch về hoạt động của Công ty.

Việc minh bạch thông tin và tuân thủ các quy định về công bố thông tin, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội xét là một trong những công ty niêm yết minh bạch trên sàn chứng khoán UPCOM.

2. Quan hệ cổ đông:

Trong những năm qua, công tác quan hệ cổ đông đã trở thành một cầu nối vững chắc kết nối SMBĐ với cộng đồng nhà đầu tư. Thông tin luôn được cung cấp trung thực, kịp thời đã mang đến cho nhà đầu tư một bức tranh rõ nét về Công ty SMBĐ. Và với thái độ cầu thị, SMBĐ đã tiếp nhận nhiều phản hồi tích cực từ cộng đồng nhà đầu tư để hoàn thiện và phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp theo xu hướng bền vững, hài hòa với lợi ích môi trường và xã hội.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định hoạt động quan hệ cổ đông là hoạt động quan trọng không thể tách rời với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như xác định trách nhiệm trong việc nâng cao lòng tin của cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc minh bạch trong quản lý, chủ động cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cộng đồng nhà đầu tư, ...

3. Trách nhiệm cộng đồng:

Bên cạnh nỗ lực không ngừng vươn tầm lớn mạnh, SMBĐ cũng luôn ý thức gìn giữ và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty với phương châm:

**SMBĐ CHĂM LO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG
MANG UY TÍN THƯƠNG HIỆU TỎA RỘNG**

Năm 2016, Công ty SMBĐ và cán bộ công nhân viên đã đóng góp tổng cộng 193 triệu đồng để thực hiện công tác an sinh - xã hội hướng về cộng đồng, cụ thể là: Ủng hộ Quỹ tương trợ Dầu khí và hỗ trợ thiên tai lũ lụt 89 triệu đồng. Ủng hộ hoạt động của Hội cựu chiến binh và đoàn thanh niên 82 triệu đồng. Thăm hỏi và tặng quà tại Trung tâm nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em Tam Bình 5 triệu



đồng. Ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai lũ lụt 13 triệu. Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ hoạt động “Xuân yêu thương” và sổ tiết kiệm tình nghĩa cho người nghèo là 9 triệu đồng.

Chung vai phát triển cộng đồng đã thực sự trở thành sứ mệnh và tâm nguyện của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty SMBĐ. Xuyên suốt trong năm 2016, các hoạt động an sinh - xã hội vì một cộng đồng lành mạnh đã được Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng toàn thể CBCNV của Công ty thực hiện liên tục và rộng khắp cả nước với mục tiêu chung tay hành động góp sức xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội....

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016 (đính kèm):

Vũng Tàu, ngày 21 tháng 03 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc Công ty



Phùng Như Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên
Ông Lê Triều Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016)
Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

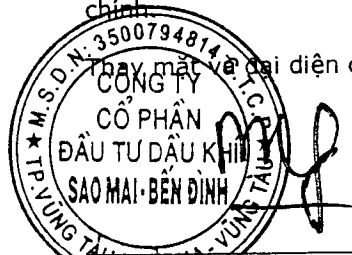
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Phùng Như Dũng

Giám đốc

10 tháng 3 năm 2017

Số: 359/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
10 tháng 3 năm 2017
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1178-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		538.480.000.943	610.162.490.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.566.423.861	43.313.078.488
1. Tiền	111		29.566.423.861	33.313.078.488
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		430.000.000.000	450.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	430.000.000.000	450.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.717.343.302	83.360.522.080
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	60.016.916.210	61.078.390.875
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.762.125.523	10.247.233.386
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.938.301.569	12.034.897.819
IV. Hàng tồn kho	140		1.537.461.834	28.257.115.341
1. Hàng tồn kho	141	10	1.537.461.834	28.257.115.341
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.658.771.946	5.231.774.847
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		248.284.330	109.418.402
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17	5.856.756.426	4.566.277.263
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	553.731.190	556.079.182
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.639.460.523	241.726.083.230
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		16.681.489.070	20.101.777.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.681.489.070	20.101.777.300
- Nguyên giá	222		36.691.310.391	36.380.213.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.009.821.321)	(16.278.436.544)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	197.541.863.907	202.277.135.763
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.738.922.547)	(27.003.650.691)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		65.068.947.896	18.914.542.980
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	65.068.947.896	18.914.542.980
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.530.000.000	10.530.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.344.159.650	429.627.187
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.344.159.650	429.627.187
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		819.119.461.466	851.888.573.986

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Khách sạn Dầu khí
 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MÃ SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

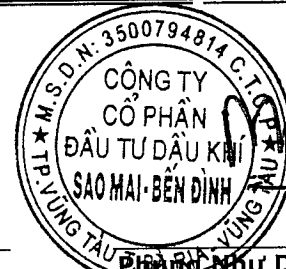
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		259.336.069.380	293.074.416.158
I. Nợ ngắn hạn	310		41.432.705.077	70.854.443.991
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.308.837.689	50.012.889.927
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	236.659.496	4.526.265.565
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	100.747.047	33.391.727
4. Phải trả người lao động	314		4.839.555.610	1.189.967.630
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.435.890.865	3.484.853.261
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	5.203.799.784	5.203.799.784
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.968.382.605	6.049.844.116
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		338.831.981	353.431.981
II. Nợ dài hạn	330		217.903.364.303	222.219.972.167
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	211.887.162.632	217.090.962.416
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	5.940.011.195	5.052.819.275
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		559.783.392.086	558.814.157.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	559.783.392.086	558.814.157.828
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.060.622.692	44.060.622.692
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.722.769.394	14.753.535.136
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		14.753.535.136	14.608.183.643
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		969.234.258	145.351.493
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		819.119.461.466	851.888.573.986



Trần Thị Hồng Lan
 Người lập biểu



Phạm Minh Vĩ
 Kế toán trưởng



Phạm Như Dũng
 Giám đốc
 10 tháng 3 năm 2017

* Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà Khách sạn Dầu khí
 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		160.197.021.585	200.778.064.230
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	160.197.021.585	200.778.064.230
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	150.491.623.421	189.021.787.646
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		9.705.398.164	11.756.276.584
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	26.139.240.240	27.024.599.530
6. Chi phí tài chính	22		187.854.195	103.660.783
7. Chi phí bán hàng	25		2.491.038.230	2.007.372.728
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	32.222.484.059	33.538.460.211
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		943.261.920	3.131.382.392
10. Thu nhập khác	31		1.583.613.260	189.559.582
11. Chi phí khác	32		608.055.031	2.276.052.954
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		975.558.229	(2.086.493.372)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.918.820.149	1.044.889.020
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	62.393.971	12.345.606
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	20	887.191.920	887.191.921
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		969.234.258	145.351.493
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	19	3



Trần Thị Hồng Lan
 Người lập biểu



Phạm Minh Vi
 Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
 Giám đốc
 10 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí
9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

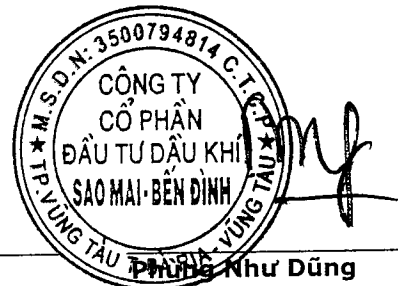
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.918.820.149	1.044.889.020
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.608.165.733	7.905.332.266
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	141.277.652	(18.884.774)
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05	(26.137.329.641)	(27.024.599.530)
Lãi từ hoạt động đầu tư			
3. Lỗ từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(15.469.066.107)	(18.093.263.018)
Thay đổi các khoản phải thu	09	7.175.561.497	(50.986.414.412)
Thay đổi hàng tồn kho	10	26.719.653.507	(21.325.610.636)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(30.862.355.382)	29.089.591.439
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.053.398.391)	(160.776.552)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.393.971)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.600.000)	(31.148.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.566.598.847)	(61.507.621.179)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(50.529.049.503)	(6.391.223.815)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	272.727	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(780.000.000.000)	(722.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	800.000.000.000	727.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	30.316.543.024	25.902.086.645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(212.233.752)	24.510.862.830
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(13.778.832.599)	(36.996.758.349)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	43.313.078.488	80.299.004.041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	32.177.972	10.832.796
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	29.566.423.861	43.313.078.488



Trần Thị Hồng Lan
Người lập biểu



Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc
10 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Giấy Chứng nhận Đầu tư này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 07 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 134 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 104 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận đầu tư là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

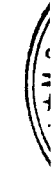
Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty và việc áp dụng này không có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập phù hợp với các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị văn phòng	10
Tài sản hữu hình khác	

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	78.070.719	85.917.064
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.488.353.142	33.227.161.424
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	29.566.423.861	43.313.078.488

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	430.000.000.000	430.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
	430.000.000.000	430.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào đơn vị khác (**)	10.530.000.000	(10.530.000.000)	10.530.000.000	(10.530.000.000)
	10.530.000.000	(10.530.000.000)	10.530.000.000	(10.530.000.000)

(*) Các khoản đầu tư tài chính năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 6% đến 6,5%/năm (năm 2015: từ 5,3% đến 6,6%/năm).

00-00
HÀNH
S TY
HỮU
ITTE
NAM
HỒ C

(**) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Sopewaco. Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu từ các năm trước; do đó, Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	17.391.693.618	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Tây	10.503.717.121	5.407.837.834
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	3.391.782.172	18.028.096.130
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	-	13.774.657.600
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu Khí	10.984.816.919	17.772.572.416
Phải thu các khách hàng khác	17.744.906.380	6.095.226.895
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<u>24.824.931.125</u>	<u>38.542.928.877</u>
	<u>60.016.916.210</u>	<u>61.078.390.875</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Ứng trước cho các nhà cung cấp trong các hợp đồng xây lắp	807.749.219	10.052.490.000
Khác	1.954.376.304	194.743.386
	<u>2.762.125.523</u>	<u>10.247.233.386</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn	7.701.611.110	11.881.097.220
Khác	236.690.459	153.800.599
	<u>7.938.301.569</u>	<u>12.034.897.819</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Hàng đang đi đường	-	25.101.572.611
Nguyên vật liệu	721.730.000	793.810.000
Hàng hóa	4.769.583	736.816.216
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	197.258.671	1.624.916.514
Hàng gửi đi bán	613.703.580	-
	<u>1.537.461.834</u>	<u>28.257.115.341</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước chủ yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa từ các năm trước.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	4.524.258.234	1.369.100.000	4.479.393.486	532.176.705	25.475.285.419	36.380.213.844
Tăng trong năm	14.877.127	390.000.000	-	-	47.728.520	452.605.647
Thanh lý	-	-	-	(141.509.100)	-	(141.509.100)
Số dư cuối năm	<u>4.539.135.361</u>	<u>1.759.100.000</u>	<u>4.479.393.486</u>	<u>390.667.605</u>	<u>25.523.013.939</u>	<u>36.691.310.391</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	377.021.520	1.019.464.954	4.112.640.505	477.878.826	10.291.430.739	16.278.436.544
Khấu hao trong năm	756.159.120	227.705.666	282.339.552	34.775.101	2.571.914.438	3.872.893.877
Thanh lý	-	-	-	(141.509.100)	-	(141.509.100)
Số dư cuối năm	<u>1.133.180.640</u>	<u>1.247.170.620</u>	<u>4.394.980.057</u>	<u>371.144.827</u>	<u>12.863.345.177</u>	<u>20.009.821.321</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	<u>4.147.236.714</u>	<u>349.635.046</u>	<u>366.752.981</u>	<u>54.297.879</u>	<u>15.183.854.680</u>	<u>20.101.777.300</u>
Số dư cuối năm	<u>3.405.954.721</u>	<u>511.929.380</u>	<u>84.413.429</u>	<u>19.522.778</u>	<u>12.659.668.762</u>	<u>16.681.489.070</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.871.797.152 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.894.942.463 đồng).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>229.280.786.454</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	27.003.650.691
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Số dư cuối năm	<u>31.738.922.547</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>202.277.135.763</u>
Tại ngày cuối năm	<u>197.541.863.907</u>

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	Số dư đầu năm và cuối năm VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
	<u>229.280.786.454</u>

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	18.914.542.980	18.122.461.073
Tăng trong năm	46.217.010.563	792.081.907
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(62.605.647)	-
Số dư cuối năm	65.068.947.896	18.914.542.980

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	15.258.780.716	15.258.780.716
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình	2.911.402.383	2.718.983.969
Công trình san lấp mặt bằng phân khu 1 - Phân kỳ 1 (7 ha)	46.816.946.615	815.349.005
Dự án khác	81.818.182	121.429.290
	65.068.947.896	18.914.542.980

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Hải Lưu	2.670.213.484	5.787.293.719
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam S-One M&O Co., Ltd.	10.503.717.121	2.366.574.336
DME BURJ Pte Ltd	1.657.220.508	20.413.989.558
Phải trả cho các đơn vị khác	6.477.686.576	21.445.032.314
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>1.561.691.639</i>	<i>3.061.824.317</i>
	21.308.837.689	50.012.889.927

Các khoản phải trả người bán đều có khả năng thanh toán khi đến hạn.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	3.984.009.865
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	-	542.255.700
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	236.659.496	-
	236.659.496	4.526.265.565

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm VND	Số tăng trong năm VND	Số giảm trong năm VND	Số dư cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.566.277.263	17.034.753.757	(15.744.274.594)	5.856.756.426
	<u>4.566.277.263</u>	<u>17.034.753.757</u>	<u>(15.744.274.594)</u>	<u>5.856.756.426</u>
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	20.298.597.303	(20.298.597.303)	-
Thuế nhập khẩu	-	4.720.131.544	(4.720.131.544)	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.391.727	1.169.379.820	(1.102.024.500)	100.747.047
	<u>33.391.727</u>	<u>26.188.108.667</u>	<u>(26.120.753.347)</u>	<u>100.747.047</u>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	<u>5.203.799.784</u>	<u>5.203.799.784</u>
b. Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	<u>211.887.162.632</u>	<u>217.090.962.416</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	3.967.407.500	3.974.059.950
Khác	<u>975.105</u>	<u>2.075.784.166</u>
	<u>3.968.382.605</u>	<u>6.049.844.116</u>

20. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Chênh lệch khấu hao VND
Số dư đầu năm	5.052.819.275
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<u>887.191.920</u>
Số dư cuối năm	<u>5.940.011.195</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	43.571.756.884	15.242.387.934	558.814.144.818
Lợi nhuận trong năm	-	-	145.351.493	145.351.493
Phân phối các quỹ	-	488.865.808	(634.204.291)	(145.338.483)
Số dư đầu năm nay	<u>500.000.000.000</u>	<u>44.060.622.692</u>	<u>14.753.535.136</u>	<u>558.814.157.828</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	969.234.258	969.234.258
Số dư cuối năm nay	<u>500.000.000.000</u>	<u>44.060.622.692</u>	<u>15.722.769.394</u>	<u>559.783.392.086</u>

Vốn điều lệ	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

0-00
 IANH
 TY
 HUU
 TTE
 AM
 CH

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn của chủ sở hữu của của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp Số dư đầu năm và cuối năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	210.250.000.000	42,05	255.000.000.000	51
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	50.924.000.000	10,18	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu			50.924.000.000	10,18
Các cổ đông khác	238.826.000.000	47,77	194.076.000.000	38,82
	500.000.000.000	100	500.000.000.000	100

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Trong vòng một năm	2.666.412.000	5.689.152.897
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.191.723.123	14.244.149.589
Sau năm năm	21.366.224.384	131.755.946.301
	28.224.359.507	151.689.248.787

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Đô la Mỹ ("USD")	142.122	333.331

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí và Bộ phận kinh doanh cụm cảng. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng.

Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2016

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	286.019.078.221	64.783.642.295	350.802.720.516
Tài sản không phân bổ			468.316.740.950
Tổng tài sản			819.119.461.466
Nợ phải trả bộ phận	223.450.430.513	31.401.486.758	254.851.917.271
Nợ phải trả không phân bổ			4.484.152.109
Tổng nợ phải trả			259.336.069.380

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
2016**

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.202.193.566	138.994.828.019	160.197.021.585
Tổng doanh thu	21.202.193.566	138.994.828.019	160.197.021.585
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.673.728.731	7.031.669.433	9.705.398.164
Chi phí không phân bổ			(34.713.522.289)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh			(25.008.124.125)
Doanh thu hoạt động tài chính			26.139.240.240
Lợi nhuận khác			975.558.229
Chi phí tài chính			(187.854.195)
Lợi nhuận trước thuế			1.918.820.149
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(62.393.971)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(887.191.920)
Lợi nhuận trong năm			969.234.258
Thông tin khác			
Khấu hao			8.608.165.733

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2015

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	249.273.964.125	96.710.554.372	345.984.518.497
Tài sản không phân bổ			505.904.055.489
Tổng tài sản			851.888.573.986
Nợ phải trả bộ phận	232.642.085.302	53.919.472.556	286.561.557.858
Nợ phải trả không phân bổ			6.512.858.300
Tổng nợ phải trả			293.074.416.158

Báo cáo kết quả kinh doanh

2015

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.684.663.644	180.093.400.586	200.778.064.230
Tổng doanh thu	20.684.663.644	180.093.400.586	200.778.064.230
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.041.221.185	9.715.055.399	11.756.276.584
Chi phí không phân bổ			(35.545.832.939)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh			(23.789.556.355)
Doanh thu hoạt động tài chính			27.024.599.530
Lỗ khác			(2.086.493.372)
Chi phí tài chính			(103.660.783)
Lợi nhuận trước thuế			1.044.889.020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.345.606)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(887.191.921)
Lợi nhuận trong năm			145.351.493
Thông tin khác			
Khấu hao			7.905.332.266

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	6.172.640.784	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.029.146.329	110.596.438.506
Doanh thu bán hàng	72.995.234.472	84.977.825.940
	160.197.021.585	200.778.064.230

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	5.533.646.856	4.735.271.856
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	73.949.024.076	106.649.904.808
Giá vốn của hàng bán	71.008.952.489	77.636.610.982
	150.491.623.421	189.021.787.646

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.899.980.450	21.157.671.599
Chi phí nhân công	60.691.529.093	70.865.809.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.608.165.733	7.905.332.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.199.403.598	37.616.722.346
Chi phí khác bằng tiền	5.022.019.016	7.466.372.420
	113.421.097.890	145.011.908.111

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.137.056.914	27.024.599.530
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.183.326	+
	26.139.240.240	27.024.599.530

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	16.010.401.025	14.763.612.693
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2.667.101.620	2.706.558.720
Chi phí vật liệu văn phòng	1.506.827.444	1.819.268.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.099.640.123	6.305.468.495
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.938.513.847	7.943.551.962
	32.222.484.059	33.538.460.211

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.918.820.149	1.044.889.020
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.435.959.598)	(4.575.959.598)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.435.959.598)	(4.575.959.598)
<i>Chênh lệch khấu hao</i>	1.648.843.466	2.872.834.235
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(868.295.982)	(658.236.343)
Lỗ tính thuế	20%	22%
Thuế suất	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	62.393.971	12.345.606
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.393.971	12.345.606

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2015: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản lỗ tính thuế 3.020.881.134 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.152.585.152 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Số lỗ này sẽ được chuyển toàn bộ liên tục vào các năm tiếp theo nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Lỗ tính thuế VND
2019	Chưa quyết toán	1.494.348.809
2020	Chưa quyết toán	658.236.343
2021	Chưa quyết toán	868.295.982
		3.020.881.134

Cơ quan thuế chưa thực hiện việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty từ năm 2013. Ban Giám đốc nhận thức được số thuế phải nộp trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được Cơ quan thuế quyết toán trong tương lai. Do cách hiểu khác nhau trong việc áp dụng luật thuế và các quy định hiện hành trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay nên có thể dẫn đến sự khác biệt về số thuế phải nộp của Công ty khi Cơ quan thuế tiến hành quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	969.234.258	145.351.493
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	969.234.258	145.351.493
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	3

(*) Theo Thông tư 200, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Các khoản cam kết

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê xe, thuê văn phòng có thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm và khoản thanh toán cho chi phí thuê mặt bãi khu Kinh tế Sao Mai - Bến Đình với thời hạn thuê 45 năm.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty chỉ gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.566.423.861	43.313.078.488
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	430.000.000.000	450.000.000.000
Phải thu khách hàng	60.016.916.210	61.078.390.875
Phải thu khác	7.704.611.110	11.884.097.220
	527.287.951.181	566.275.566.583
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	21.308.837.689	50.012.889.927
Phải trả khác	3.968.382.605	3.974.059.950
Chi phí phải trả	5.435.890.865	3.484.853.261
	30.713.111.159	57.471.803.138

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	Số dư cuối năm <u>VND</u>	Số dư đầu năm <u>VND</u>	Số dư cuối năm <u>VND</u>	Số dư đầu năm <u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	3.223.940.916	7.485.516.991	4.033.542.072	26.183.579.502

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đô la Mỹ tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 24.288.035 đồng (2015: 560.941.875 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu phần lớn đến từ các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và có lịch sử tín dụng tốt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.566.423.861	-	29.566.423.861
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	430.000.000.000	-	430.000.000.000
Phải thu khách hàng	60.016.916.210	-	60.016.916.210
Phải thu khác	7.701.611.110	3.000.000	7.704.611.110
Tổng cộng	527.284.951.181	3.000.000	527.287.951.181
Phải trả người bán	21.308.837.689	-	21.308.837.689
Phải trả khác	3.968.382.605	-	3.968.382.605
Chi phí phải trả	5.435.890.865	-	5.435.890.865
Tổng cộng	30.713.111.159	-	30.713.111.159
Chênh lệch thanh khoản thuần	496.571.840.022	3.000.000	496.574.840.022
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.313.078.488	-	43.313.078.488
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	450.000.000.000	-	450.000.000.000
Phải thu khách hàng	61.078.390.875	-	61.078.390.875
Phải thu khác	11.881.097.220	3.000.000	11.884.097.220
Tổng cộng	566.272.566.583	3.000.000	566.275.566.583
Phải trả người bán	50.012.889.927	-	50.012.889.927
Phải trả khác	3.974.059.950	-	3.974.059.950
Chi phí phải trả	3.484.853.261	-	3.484.853.261
Tổng cộng	57.471.803.138	-	57.471.803.138
Chênh lệch thanh khoản thuần	508.800.763.445	3.000.000	508.803.763.445

Dựa vào bảng trên, Công ty có khả năng thanh khoản tốt vì các chênh lệch thanh khoản thuần đều thể hiện số dư dương.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tên đầy đủ

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
 Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí
 Công ty TNHH Một thành viên
 Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
 Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC
 Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Tên viết tắt

PTSC
 PVC MS
 PV Shipyard
 PTSC M&C
 PTSC Hotel
 PTSC SB
 PTSC POS

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Bên liên quan
 Bên liên quan
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cung cấp dịch vụ		
PTSC	20.264.385.123	1.133.677.274
PTSC OS	2.146.276.680	20.157.416.000
PTSC QN	-	309.832.750
PVC MS	9.311.487.421	-
PV Shipyard	17.035.072.171	39.556.717.760
PTSC M&C	<u>10.870.963.385</u>	<u>33.624.382.158</u>
Mua dịch vụ		
PV Shipyard	3.571.567.040	8.026.862.135
PTSC Hotel	2.807.972.051	3.115.945.575
PTSC SB	82.505.300	1.028.637.050
PTSC M&C	76.469.072	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC Đà Nẵng	36.922.727	-
PTSC	<u>94.488.002</u>	<u>91.335.606</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng	<u>2.204.989.853</u>	<u>2.309.820.903</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
PV Shipyard	10.984.816.919	17.772.572.416
PTSC M&C	3.148.244.906	5.407.837.834
PTSC OS	-	13.774.657.600
PTSC QN	-	340.816.025
PTSC	9.887.241.381	1.247.045.002
PVC MS	804.627.919	-
	<u>24.824.931.125</u>	<u>38.542.928.877</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
PV Shipyard	1.454.767.765	2.832.545.047
PTSC SB	22.807.895	229.279.270
PTSC M&C	84.115.979	-
	<u>1.561.691.639</u>	<u>3.061.824.317</u>
Ứng trước từ khách hàng		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	542.255.700

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU
CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 419.456.902 đồng (năm 2015: 4.733.699.736 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 7.701.611.110 đồng (2015: 11.881.097.220 đồng), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Trần Thị Hồng Lan
Người lập biểu



Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng



Phạm Như Dũng
Giám đốc

10 tháng 3 năm 2017

